



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM | VIETNAM NATIONAL OIL AND GAS GROUP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION (PVC)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



Thông tin chung [1-5]

**Tình hình hoạt động
năm 2016 [6-10]**

**Báo cáo và đánh giá của
Ban Tổng giám đốc [11-22]**

**Báo cáo và đánh giá
của Hội đồng Quản trị [23-27]**

Quản trị Tổng công ty [28-33]

Báo cáo tài chính [34-81]



THÔNG TIN CHUNG

*** Tên công ty bằng tiếng Việt:**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

*** Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:**

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

*** Tên công ty viết tắt: PVC**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500102365

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn nghìn tỷ đồng

* **Địa chỉ:** Tầng 25, Tòa nhà CEO, lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* **Số điện thoại:** 043.7689291

* **Số fax:** 043.7689290

* **Website:** www.pvc.vn

* **Mã cổ phiếu:** PVX



1. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam) - Tập đoàn kinh tế hùng mạnh hàng đầu đất nước. 34 năm qua, PVC nỗ lực vươn lên trở thành một doanh nghiệp xây lắp chủ lực của ngành trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí, xây dựng công nghiệp và dân dụng.

- **14/9/1983**, Thi hành các quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983), Tổng cục Dầu khí ra quyết định thành lập **Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí** với nhiệm vụ thi công các công trình; san lấp mặt bằng, bến cảng, bãi để cần khoan, ống chống, Xí nghiệp cơ khí trung tâm, Xí nghiệp địa vật lý, trạm điện 4,2 MW, Xí nghiệp sản xuất ôxy, axêtylen, kho đông lạnh, hố chôn bùn khoan.

- **19/9/1995**, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã quyết định chuyển đổi Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí thành **Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (PVECC)** - bước phát triển rất quan trọng, tạo ra sự thay đổi cả về chất lẫn về lượng của ngành Xây dựng Dầu khí Việt Nam.

- **1/4/2006**, sau gần hai năm thực hiện tiến trình cổ phần hóa, **Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (PVC)** chính thức đi vào hoạt động với một mô hình quản lý mới: tinh, gọn, nhẹ và năng động.

- **26/10/2007**, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ký Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp dầu khí thành **Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)**.

- **19/8/2008**, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam niêm yết 150 triệu cổ phiếu với mã PVX trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- **2010**, PVC thi công chế tạo chân đế lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam: Dự án giàn mỏ Đại Hùng sâu 110 m nước, trong lượng 7.200 tấn; Dự án Biển Đông mỏ Mộc Tinh sâu 130m nước, với khối lượng trên 13 nghìn tấn.

- **1/2013**, theo đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 5/1/2013, PVC sẽ trở thành đơn vị chủ lực của PVN trong lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên bờ.

Trải qua gần 34 năm hình thành và phát triển, PVC đã và đang khẳng định uy tín, năng lực vượt trội trên các công trình trọng điểm của ngành Dầu khí và đất nước. Từ Căn cứ Dịch vụ Tổng hợp trên bờ tại Vũng Tàu, đến các công trình Đường ống dẫn khí từ Long Hải về các khu công nghiệp Phú Mỹ, Mỹ Xuân, Đồng Nai; các công trình trọng điểm quốc gia như Nhà máy Đạm Phú Mỹ, , Cụm khí điện đạm Cà Mau, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I và mới nhất là Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình II... đều ghi dấu vai trò quan trọng của Tổng Công ty PVC.

Trưởng thành qua từng công trình, dự án, từ vai trò thầu phụ cho các nhà thầu quốc tế, PVC đã vươn lên trở thành Tổng thầu EPC thực hiện các công trình có quy mô ngày càng lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: Tổng kho LPG Gò Dầu, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình II, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch II...

Đặc biệt, PVC tiếp tục khẳng định thế mạnh trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí qua việc thực hiện thi công hầu hết các dự án về vận chuyển, tàng trữ dầu và khí theo hình thức EPC như Kho xăng dầu Cù Lao Tào, Kho chứa LPG và trạm xuất xe bồn Dung Quất... Trong lĩnh vực Thiết kế, chế tạo, xây lắp giàn khoan, chân đế giàn khoan: PVC thi công chế tạo hàng loạt công trình xây lắp, kết cấu trọng điểm trên cả nước của ngành Dầu khí Việt Nam trong đó có những công trình lớn kỷ lục Việt Nam như chân đế giàn khoan Đại Hùng, chân đế và khối thượng tầng giàn Mộc Tinh 1 – Dự án Biển Đông...

PVC không ngừng việc củng cố, phát triển các lĩnh vực thế mạnh truyền thống như xây dựng hệ thống tàng trữ, vận chuyển các sản phẩm Dầu khí, cơ khí lắp đặt và chế tạo các thiết bị Dầu khí...

PVC còn khẳng định thương hiệu của mình trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp và dân dụng. PVC có bước tiến vượt bậc trong công nghệ xây dựng nhà cao tầng như: Trung tâm Tài chính Dầu khí, Văn phòng Viện Dầu khí, Toà nhà Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, Cao ốc văn phòng Dragon Tower...

Trên những chặng đường đã qua, Tổng Công ty và các đơn vị thành viên đã không ngừng trưởng thành, góp phần vào sự phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và của đất nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính:

a. Xây lắp chuyên ngành dầu khí

PVC là doanh nghiệp chủ lực của ngành Dầu khí trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí. Đây là lĩnh vực hoạt động chủ đạo, tạo nên uy tín, thương hiệu PVC trong 34 năm qua, trong đó các hoạt động mũi nhọn bao gồm:

- Thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí, giàn khoan, chân đế giàn khoan (trên đất liền, ngoài biển), các kết cấu kim loại, bồn bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, nước.
- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất.
- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng và thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

b. Xây dựng công nghiệp

PVC còn được biết đến với vai trò là nhà thầu xây dựng có năng lực trong xây dựng các công trình công nghiệp lớn trong và ngoài ngành Dầu khí:

- Đầu tư, xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí, đóng tàu, xi măng vật liệu xây dựng...
- Khảo sát, thiết kế, tư vấn, thi công lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong xây dựng công nghiệp.

- Đầu tư, thiết kế và tổng thầu các dự án hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đê kè, bến cảng...

- Xây dựng các nhà máy khí điện, nhiệt điện, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện

c. Xây dựng dân dụng

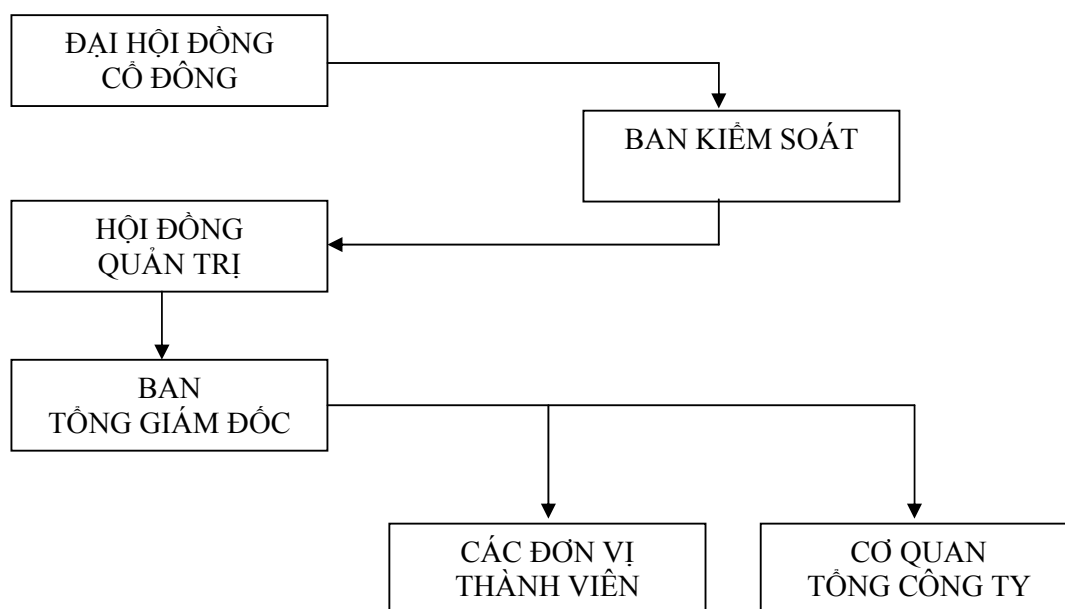
PVC đã tham gia đầu tư, tư vấn, thiết kế, xây dựng nhiều công trình dân dụng, văn phòng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, chung cư cao cấp, đặc biệt nhà kết cấu thép, nhà cao tầng của ngành Dầu khí và nhiều địa phương trên cả nước. PVC còn tham gia đầu tư xây dựng và khai thác các dự án khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng các khu đô thị mới

d. Sản xuất công nghiệp

Song song với việc đẩy mạnh hoạt động xây lắp theo các lĩnh vực, PVC chú trọng đầu tư cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng và cơ khí chế tạo chuyên ngành dầu khí và sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí)

3. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị



- Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên doanh nghiệp
I	Các Công ty con hợp nhất báo cáo tài chính
1	Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)
2	Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)
3	Công ty CP Xây dựng công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)
4	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình)
5	Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)
6	Công ty CP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PetroLand)
7	Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)
8	Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land)
9	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)
II	Các Công ty liên kết, đầu tư tài chính
1	Công ty CP Thiết kế Quốc Tế Heerim PVC (PVChr)
2	Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí (PVC-ID)
3	Công ty CP Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)
4	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)
5	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)
6	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)
7	Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)
8	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)
9	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)
10	Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (Lam Kinh Hotel)
11	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải)
12	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên Minh Dầu khí (Petrolink)
13	Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang (INT)
14	Công ty CP Xây lắp Dầu khí PVC-Trường Sơn (PVC Trường Sơn)
15	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc
16	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 4 (PVC-4)
17	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2 (PVC-2)
18	Công ty CP Xi măng Hạ Long (HLC)
19	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO (PVC-Imico)
20	Công ty CP BĐS Dầu khí (Petrowaco)
21	Công ty CP Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí
22	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO (PVC-IDICO)

4. Định hướng phát triển

- Xây dựng PVC trở thành một trong những đơn vị dịch vụ kỹ thuật cao thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng thầu EPC lớn trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình Dầu khí trên bờ.

- Tái cơ cấu để PVC tiếp tục phát triển mạnh hơn, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững, đảm bảo thực hiện thắng lợi.

5. Các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2017

Bên cạnh những kết quả đạt được và những hạn chế tồn tại năm 2016, Tổng công ty cũng đã nhận diện được một số rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, tóm tắt như sau:

- Do tình hình tài chính khó khăn dẫn đến PVC gặp trở ngại trong việc thu xếp dòng tiền để trả nợ vay ủy thác Tập đoàn;
- Khó khăn trong công tác lập và bảo vệ tổng dự toán, điều chỉnh Hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2;
- Các phát sinh tại Dự án NMNĐ Vũng Áng, Dự án Nhà máy Xơ sợi PVTex Đình Vũ, Dự án Nhà máy Nhiên liệu sinh học Ethanol Phú Thọ không được phê duyệt hoặc phê duyệt không đủ, cũng như việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của các cơ quan quản lý nhà nước (Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước) liên quan đến các dự án này sẽ ảnh hưởng xấu đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PVC trong năm 2017 và các năm tiếp theo.
- PVC tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị.
- Tiềm ẩn rủi ro tiếp tục gây lỗ cho PVC từ các khoản đầu tư tài chính khi thoái vốn theo yêu cầu về tái cơ cấu.
- PVC tiềm ẩn rủi ro trong việc phải tiếp tục trích lập dự phòng đối với những khoản công nợ không được xử lý và các khoản công nợ khác dự kiến sẽ quá hạn trong năm 2017 và các năm tiếp theo.
- Công tác quyết toán thuế từ năm 2008 đến nay: PVC chưa được cơ quan thuế thực hiện thanh tra, quyết toán, do đó có thể phát sinh các khoản thuế không được khấu trừ, chi phí không được trừ khi kiểm tra, quyết toán.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016, với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn, sự hỗ trợ tích cực của các đơn vị trong ngành/các đối tác truyền thống và nỗ lực của tập thể Lãnh đạo, CBCNV và người lao động PVC trong quá trình thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc khi triển khai nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2016 của PVC đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Năm 2016		Tỷ lệ HTKH (%)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
				Kế hoạch	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	12,447.84	11,900.00	11,284.32	95%	91%
	<i>Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	<i>9,852.50</i>	<i>9,500.00</i>	<i>8,953.77</i>	<i>94%</i>	<i>91%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	11,966.57	11,000.00	9,298.92	85%	78%
	<i>Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	<i>9,093.01</i>	<i>8,600.00</i>	<i>7,098.74</i>	<i>83%</i>	<i>78%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88.52	125.00	113.70	91%	128%
	<i>Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	<i>135.51</i>	<i>83.00</i>	<i>137.07</i>	<i>165%</i>	<i>101%</i>
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	22.69	75.00	91.72	122%	404%
	<i>Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	<i>136.68</i>	<i>83.00</i>	<i>138.76</i>	<i>167%</i>	<i>102%</i>
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	882.72	610.00	926.84	152%	105%
	<i>Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	<i>696.44</i>	<i>458.00</i>	<i>598.26</i>	<i>131%</i>	<i>86%</i>
6	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	121.23	603.87	305.28	51%	252%
	<i>Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	-	<i>6.54</i>	-	<i>0%</i>	-
7	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ người/ tháng	10.83	10.95	11.89	109%	110%
	<i>Công ty mẹ</i>		12.80	12.00	13.89	116%	109%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ tên	Chức vụ Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
1	Nguyễn Anh Minh	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	12%
2	Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng giám đốc	
3	Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng Văn phòng thường trực của PVC tại phía Nam	
4	Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	
5	Bùi Tiến Thành	Phó Tổng giám đốc	0.00665%
6	Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng giám đốc	
KẾ TOÁN TRƯỞNG			
1	Lưu Đức Hoàng	Kế toán trưởng	

- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2016, Tổng công ty PVC có 02 sự thay đổi trong Ban điều hành: ông Trần Minh Tuấn thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty (Quyết định số 750/QĐ-XLKD ngày 16/9/2016) và tạm đình chỉ công tác đối với ông Nguyễn Mạnh Tiến, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty (Quyết định số 756/QĐ-XLKD ngày 21/9/2016).

- Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty Mẹ là 527 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

1.1. Đầu tư tài chính

Tính đến 31/12/2016, PVC còn tham gia góp vốn tại 32 doanh nghiệp với tổng giá trị đầu tư là 3.180,74 tỷ đồng (giảm 48,18 tỷ đồng và 2 đầu mỗi so với năm 2015) với cơ cấu đầu tư như sau:

- Đầu tư tại 09 Công ty con là 1.986,21 tỷ đồng, chiếm 62,4% tổng giá trị đầu tư;
- Đầu tư tại 12 công ty liên kết là 784,81 tỷ đồng, chiếm 24,7% tổng giá trị đầu tư;
- Đầu tư tại 10 đơn vị đầu tư tài chính khác là 409,73 tỷ đồng, chiếm 12,9% tổng giá trị đầu tư.

- Lũy kế trích lập dự phòng đến hết năm 2016 là 1.564,68 tỷ đồng giảm so với thời điểm 31/12/2015 66,33 tỷ đồng.

Năm 2016, do hoạt động SXKD còn gặp nhiều khó khăn, có 2/31 doanh nghiệp thực hiện chi trả cổ tức cho PVC số tiền là 9,78 tỷ đồng (PVC-MS trả cổ tức là 9,18 tỷ đồng; Petrowaco 0,60 tỷ đồng), các đơn vị còn lại có mức lợi nhuận rất thấp hoặc thua lỗ nên không có kế hoạch trả cổ tức.

1.2. Đầu tư bất động sản, XD/CB, hạ tầng và mua sắm máy móc thiết bị

Năm 2016, Công ty mẹ Tổng công ty đang triển khai nghiên cứu, đánh giá các phương án đầu tư trụ sở Tổng công ty tại Hà Nội để lựa chọn phương án tối ưu.

Công ty mẹ Tổng công ty đã chủ động giãn tiến độ mua sắm thiết bị theo kế hoạch do nhu cầu thực tế phục vụ công tác thi công của Tổng công ty/Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc chưa thực sự cần thiết, nhằm tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả hoạt động.

Các công ty con tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư với giá trị đầu tư 305,28 tỷ đồng trong đó đầu tư xây dựng cơ bản/ dự án bất động sản chuyển tiếp từ những năm trước là 227,93 tỷ đồng, tập trung tại các đơn vị như: dự án Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí (PVC-MS), khu phức hợp TM-DV văn phòng và căn hộ tại đường 30/4 TP. Vũng Tàu (PVC-IC), Khối chung cư cao cấp PetroVietnam Landmark (PVCLand), Dự án chung cư cao cấp CT5E Xuân Phương (PVC-Đông Đô),... Đầu tư mua sắm, sửa chữa máy móc thiết bị, nâng cao năng lực thi công là 77,35 tỷ đồng tại các đơn vị PVC-MS, PVC-IC, PVC-PT, PVC-Bình Sơn.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	14,862,768,589,789	12,965,714,583,586	-13%
Doanh thu thuần	11,836,296,057,436	9,151,925,800,433	-23%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	70,416,233,652	106,537,027,129	51%
Lợi nhuận khác	18,107,662,786	7,163,318,703	-60%
Lợi nhuận trước thuế	88,523,896,438	113,700,345,832	28%
Lợi nhuận sau thuế	22,691,431,798	91,722,199,330	304%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0.94	1.01	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.48	0.49	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.81	0.77	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4.19	3.34	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2.58	1.88	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.8	0.71	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.00192	0.01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.0079	0.031	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.0015	0.0071	

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Cát: 10.638 m³
- Đá: 8.529 m³
- Xi măng: 26.508 tấn
- Thép: 172.085 tấn
- Que hàn: 1.057.386 kg
- Sơn: 438.788 lít
- Gạch: 676.500 viên
- Bê tông tươi: 11.895 m³

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Dầu: 110.066 lít
- Xăng: 74.075 lít
- Điện: 5.783.562 kW

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng : Không.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm).

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Dịch vụ.

b) Lượng nước sử dụng: 235.122m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số lao động tại Công ty mẹ - Tổng công ty: 527 người.
- Mức lương trung bình: 13,89 triệu/đồng/người/năm.

Việc trả lương cho CBCNV được thực hiện theo Quy chế trả lương của Tổng công ty đảm bảo nguyên tắc trả lương cho CBCNV phù hợp với hiệu quả SXKD, năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc và các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời khuyến khích CBCNV phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ theo công việc được giao.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Tuân thủ đầy đủ quy định của Pháp luật lao động, Luật BHXH, Luật ATVSLĐ, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty và các văn bản quy định khác.

- Tổ chức Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 1 lần /năm (riêng lao động nữ 2 lần/năm). Tổ chức thăm hỏi, động viên và hỗ trợ đối với lao động khó khăn khi ốm đau, tai nạn,.... Thanh toán đầy đủ và kịp thời đối với các trường hợp ốm đau, thai sản.

- Thường xuyên giám sát, kiểm tra, đánh giá, tổng kết và khen thưởng trong công tác ATVSLĐ.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ chính sách khác cho CBCNV tại Công ty mẹ - Tổng công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Trong năm 2016, Tổng công ty/đơn vị đã trực tiếp tổ chức 109 khoá đào tạo (~2.766 giờ) cho 5.655 lượt CBCNV; đồng thời cử 132 lượt CBCNV tham gia 28 khoá (tương đương 672 giờ) do PVN tổ chức. Trong đó Công ty mẹ Tổng công ty đã tổ chức 7 khóa đào tạo (tương đương 272 giờ) cho 406 lượt học viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

- + Đào tạo kiến thức chuyên môn nghiệp vụ;
- + Đào tạo chuyên sâu;
- + Đào tạo bồi dưỡng thường xuyên, cập nhật kiến thức chuyên môn/nghiệp vụ;
- + Đào tạo về quản lý;
- + Đào tạo các kỹ năng công tác;
- + Đào tạo ngoại ngữ;
- + Đào tạo nâng bậc;
- + Tái đào tạo;
- + Đào tạo nội bộ, đào tạo cho các dự án.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Năm 2016, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế- xã hội năm 2016 còn nhiều biến động phức tạp. Bên cạnh những kết quả tích cực, PVC cũng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức như:

- Giá dầu thô năm 2016 tiếp tục giữ ở mức thấp kéo dài, ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình triển khai các hoạt động khai thác, đầu tư của ngành Dầu khí, nhiều dự án do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/ các đơn vị thành viên của Tập đoàn làm chủ đầu tư đã phải dừng/giãn tiến độ làm hạn chế nguồn công việc của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC).
- Thị trường bất động sản tuy có khởi sắc nhưng chưa rõ nét do hầu hết vị trí các dự án đầu tư của PVC/đơn vị thành viên ở các khu vực chưa thực sự thuận lợi để thu hút đầu tư hoặc tìm kiếm đối tác để thoái vốn đầu tư theo kế hoạch.
- Nhiều đơn vị thành viên của PVC hoạt động SXKD thua lỗ, không đủ điều kiện tham gia dự thầu nhiều công trình/dự án; nguồn việc chủ yếu phụ thuộc vào các dự án chuyển tiếp được Tập đoàn/các đơn vị thuộc Tập đoàn chỉ định/ hoặc giao thầu.
- Bên cạnh những khó khăn tồn tại nêu trên, việc các cơ quan pháp luật thực hiện công tác điều tra, thanh tra làm ảnh hưởng lớn đến tâm lý CBCNV toàn Tổng công ty.

Với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn, sự hỗ trợ tích cực của các đơn vị trong ngành/các đối tác truyền thống và nỗ lực của tập thể Lãnh đạo, CBCNV và người lao động PVC trong quá trình thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc khi triển khai nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2016 của PVC đạt được như sau:

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 11.284,32 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch năm và bằng 91% so với năm 2015; Riêng Công ty mẹ thực hiện 8.953,77 tỷ đồng, đạt 94% kế hoạch năm và bằng 91% so với năm 2015.
- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 9.298,92 tỷ đồng, đạt 85% kế hoạch năm và bằng 78% so với năm 2015; Riêng Công ty mẹ thực hiện 7.098,74 tỷ đồng đạt 83% kế hoạch năm và bằng 78% so với năm 2015.

- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp thực hiện 113,70 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch năm và bằng 128% so với năm 2015; Riêng Công ty mẹ thực hiện 137,07 tỷ đồng đạt 165 % kế hoạch năm và bằng 101% so với năm 2015.
- Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp thực hiện 91,72 tỷ đồng, đạt 122% kế hoạch năm và bằng 404% so với năm 2015; Riêng Công ty mẹ thực hiện 138,76 tỷ đồng, đạt 167% kế hoạch năm và bằng 102% so với năm 2015.

1. Công tác triển khai các công trình/ dự án trọng điểm

Trong năm 2016, các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu của PVC không hoàn thành kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua. Nguyên nhân chủ yếu do kế hoạch sản lượng doanh thu năm 2016 của PVC chủ yếu tập trung tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Tuy nhiên công tác điều chỉnh Tổng mức đầu tư, Tổng dự toán và hợp đồng EPC còn chậm nên những vướng mắc trong việc triển khai thực hiện, cơ chế thanh toán, cân đối dòng tiền chưa được giải quyết đã ảnh hưởng rất nhiều đến tiến độ thi công, cũng như công tác thu hồi vốn của Ban ĐHDA/các đơn vị tại dự án.

Sản lượng- doanh thu còn lại của Tổng công ty được ghi nhận từ các công trình/dự án như Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, công trình Viện Dầu khí phía Nam, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau và một số các công trình/dự án được các đơn vị thành viên như PVC-MS, PVC-PT, PVC-Mekong, PVC-Bình Sơn thực hiện.

Trong năm 2016, Công ty mẹ và các đơn vị thành viên đã hoàn thành, bàn giao Chủ đầu tư/Tổng thầu các công trình: Gói thầu San lấp và xử lý nền Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau, dự án Âu tàu Rạch Chanh và Trung tâm điều khiển Âu tàu, dự án Trung tâm PTTN và Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam- Giai đoạn 1, Topside RC9, dự án 3P, Topside, chân đế giàn nhà ở dự án Sư Tử Trắng, chân đế dự án Thỏ trắng 3,...

Các dự án trọng điểm đang được tiếp tục triển khai như sau:

- *Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2:*
 - + Ngày 12/01/2016, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản số 71/TTg-KTN về việc chấp thuận kết quả thẩm định Tổng mức đầu tư (TMĐT) điều chỉnh dự án NMNĐ Thái Bình 2. PVC đã phối hợp với Ban QLDA/Tập đoàn làm việc với Đơn vị tư vấn/Viện Kinh tế - Bộ Xây dựng hoàn thành công tác rà soát Tổng mức đầu tư dự án và đã được Hội đồng thành viên Tập đoàn phê duyệt. Đến nay, Tập đoàn đã phê duyệt Tổng dự toán và giá gói thầu EPC của dự án. Hiện, PVC đang đàm phán điều chỉnh Phụ lục Hợp đồng EPC với Ban QLDA.
 - + Tiến độ tổng thể của Hợp đồng EPC Thái Bình đến thời điểm 31/12/2016 đạt 76,53%. Đến thời điểm 31/3/2017, dự án đạt 78,09% tổng tiến độ.
- *Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1:* Trong năm 2016, tại dự án NMNĐ Vũng Áng 1 chủ yếu thực hiện công tác bảo hành các hạng mục công trình, đơn đốc

các nhà thầu thực hiện xác nhận khối lượng, giá trị các công việc Ban điều hành dự án thực hiện thay các đơn vị tại các hạng mục của dự án; Đã thống nhất với BQLDA/Tổng thầu về cự ly đổ thải và khối lượng thi công đường thủy, bộ hạng mục cửa nhận nước. Hiện đang chờ Tập đoàn/Ban QLDA phê duyệt phát sinh chưa lường hết các hạng mục công trình do PVC thi công tại dự án để hoàn thành hồ sơ thanh quyết toán dự án.

- *Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn- Gói thầu Civil 6*: Tổng công ty đã hoàn thành công tác thi công gói thầu Civil 6 và cơ bản hoàn thành các punchlist. Hiện đang thực hiện quyết toán với Tổng thầu.
- *Dự án Nhà máy Nhiệt điện sông Hậu 1*: Trong năm 2016 đã hoàn thành công tác thi công gói thầu xử lý nền. Hiện nay đang tiếp tục thi công các hạng mục tại gói thầu xây dựng nhà máy chính. Tuy nhiên tại dự án gặp một số khó khăn vướng mắc kéo dài như: Tiến độ phê duyệt và cung cấp hồ sơ thiết kế của hạng mục xây dựng từ Chủ đầu tư/Tổng thầu chưa phù hợp với tiến độ hợp đồng đã ký; Quy trình phê duyệt tài liệu dài gây mất thời gian cho nhà thầu phải chờ kết quả phê duyệt như biện pháp thi công dẫn đến thi công chậm so với ngày nhận được bản vẽ thi công; Chủ đầu tư và Tổng thầu chưa thống nhất được phương thức thanh toán và điều chỉnh giá tại dự án làm ảnh hưởng kế hoạch thu hồi vốn,...

2. Công tác hợp đồng kinh tế, tài chính, kế toán và kiểm toán

2.1. Công tác tiếp thị đấu thầu và ký kết hợp đồng kinh tế:

Công tác tiếp thị thầu: Năm 2016, toàn tổ hợp đã tiếp thị 71 gói thầu. Trong đó chủ yếu tập trung các công trình/dự án trong ngành dầu khí như tại các dự án: Nhà máy nhiệt điện Long Phú, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy xử lý khí Cà Mau, đường dẫn khí Lô B Ô Môn, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1,....Ngoài ra, nhằm tạo cơ hội hợp tác, cùng phát triển trong việc tham gia cung cấp dịch vụ về xây lắp trong nước và quốc tế, PVC đã tích cực đẩy mạnh công tác ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với các đối tác trong và ngoài nước. Trong năm 2016, PVC đã ký thỏa thuận hợp tác liên doanh với Vietsovpetro, Công ty tư vấn Petroconsult S.R.L (Rumani), Công ty TNHH Posco E&C Vietnam và Công ty tư vấn DFM (Mỹ).

Công tác ký kết hợp đồng: Năm 2016, toàn tổ hợp ký kết được 18 hợp đồng với các Chủ đầu tư/Tổng thầu, tổng giá trị các hợp đồng là 3.710,89 tỷ đồng, trong đó: Công ty Mẹ ký kết 02 hợp đồng mới và 01 Phụ lục bổ sung với giá trị 2.713,29 tỷ đồng (bao gồm Thi công các hạng mục xây dựng tại NMNĐ Sông Hậu 1 với giá trị 2.555,45 tỷ đồng; Thi công xây dựng Khu đào tạo quốc tế Học viện An ninh Nhân dân giá trị 108,27 tỷ đồng, Thi công Viện Dầu khí phía Nam- giai đoạn 2 giá trị 49,57 tỷ đồng), các công ty con ký kết 15 hợp đồng với tổng giá trị 997,59 tỷ đồng.

2.2. Công tác tài chính, kế toán, kiểm toán:

Trong năm 2016, PVC tiếp tục triển khai từng bước tháo gỡ khó khăn, vướng

mắc về tài chính, cụ thể:

- PVC đã có những biện pháp chấn chỉnh, kiểm soát về công tác quản lý dòng tiền, nguồn tiền phục vụ các dự án và đều được chi đúng mục đích, đúng yêu cầu.
- PVC và các đơn vị thành viên đã chủ động làm việc với các Tổ chức tín dụng/Ngân hàng thu xếp nguồn vốn đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD. Đến thời điểm hiện tại PVC đã ký hợp đồng với các Ngân hàng về việc cấp hạn mức tín dụng cho Tổng công ty trong năm 2016-2017, cụ thể: Ngân hàng BIDV-Hà Tây mở rộng hạn mức tín dụng cho Tổng công ty từ 1.000 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng, PVCombank đã chấp thuận cấp hạn mức tín dụng với giá trị là 400 tỷ đồng. Tổng công ty PVC cũng đã nỗ lực và phối hợp với Chủ đầu tư để đảm bảo đáp ứng đủ nguồn tài chính cho các dự án. Cơ bản thu xếp được nguồn vốn để thực hiện các công việc trong năm 2016 tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, NMNĐ Sông Hậu 1, NM Xử lý khí Cà Mau...
- Đối với khoản bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị: Tổng công ty tiếp tục làm việc với các Ngân hàng/ Tổ chức tín dụng nhằm giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh của PVC đối với khoản vay vốn của các đơn vị. Tại thời điểm 31/12/2016, dư nợ bảo lãnh của Tổng công ty là 237,86 tỷ đồng. Hiện Tổng công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 137,94 tỷ đồng đối với các khoản bảo lãnh này.
- Về các khoản vay ủy thác Tập đoàn qua Oceanbank: Tổng công ty đã hoàn thành việc ký kết hợp đồng cầm cố/thế chấp với 3/5 đơn vị đang sử dụng khoản vay ủy thác là PVC-Petroland, PVNC và PVC-IDICO; tiếp nhận các giấy chứng nhận sở hữu tài sản của các đơn vị; đồng thời các tổ chức phát hành đã ra văn bản xác nhận tài sản và phong tỏa số tài sản theo hợp đồng cầm cố. Số dư vay ủy thác của Tập đoàn tại thời điểm 31/12/2016 là 955,03 tỷ đồng, trong đó dư nợ của các đơn vị là 564,74 tỷ đồng. Tổng chi phí trích lập dự phòng cho khoản nợ vay ủy thác của PVC đến hết năm 2016 là 301,98 tỷ đồng.
- Về công tác thu hồi công nợ: PVC đã xây dựng và triển khai kế hoạch chi tiết về công tác thu hồi, xử lý nợ năm 2016. Thường xuyên thực hiện rà soát, tổng hợp các khoản phải thu, phải trả, giá trị khối lượng dở dang giữa PVC và các đơn vị thành viên, giữa các đơn vị thành viên với nhau tại các công trình/dự án để xây dựng phương án thu hồi nợ, xử lý công nợ chéo. Kết quả là năm 2016, đã thu hồi thu hồi, xử lý được 294,289 tỷ đồng, đạt 83% giá trị kế hoạch thu hồi xử lý nợ đã đề ra.

3. Công tác tái cơ cấu

❖ Công tác kiện toàn tổ chức quản lý công ty Mẹ

- Thực hiện triển khai điều động, tăng cường cán bộ công nhân viên tại các Ban chuyên môn tới các Ban ĐHDA của Tổng công ty. Kiện toàn bộ máy tổ chức tại Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam, văn phòng thường trực của PVC

tại phía Nam, chuyển phòng Pháp chế thuộc Ban Tổ chức Nhân sự sang trực thuộc Văn phòng Tổng công ty.

- Đã tiến hành rà soát và hoàn thiện phương án đề xuất kiện toàn người đại diện phần vốn của PVC tại các đơn vị theo tiến độ đại hội đồng cổ đông của các đơn vị thành viên. Kết quả, kiện toàn công tác cán bộ/Người đại diện quản lý phần vốn của PVC tại 10 Đơn vị: PVC-MS, PVC-PT, PVC Thái Bình, PVC Land, PVC-Bình Sơn, Sopewaco, Petrowaco, PVC-Duyên Hải, PVC-MT, PVC-Idico. Chỉ đạo, hướng dẫn Người đại diện phần vốn của PVC tại PVC-MT, PVC-Bình Sơn tiến hành rà soát/xây dựng phương án điều chuyển/tiếp nhận lao động giữa hai đơn vị đáp ứng nhu cầu về lao động, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục thực hiện rà soát các quy chế/quy định hiện hành để cập nhật, điều chỉnh phù hợp với các nội dung tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy định hiện hành của pháp luật hiện hành.

❖ **Công tác tái cơ cấu/ thoái vốn tại các đơn vị:**

- Hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn góp của PVC tại 02 đơn vị thu về 25,12 tỷ đồng/61,68 tỷ đồng giá trị đầu tư, cụ thể như sau: thoái vốn tại PVL (thu về 14,8/49,2 tỷ đồng giá trị đầu tư), thoái vốn tại Sopewaco (thu về 10,2 tỷ đồng/10,2 tỷ đồng giá trị đầu tư); thực hiện bán bớt một phần vốn tại các đơn vị PVC-MT, PVNC, PVC-SG thu về 0,124 tỷ đồng/2,28 tỷ đồng giá trị đầu tư. Đối với việc thoái vốn tại Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương (PVC-Pacific), PVC đã thực hiện ký kết hợp đồng thoái vốn (thu về 2 tỷ đồng/2 tỷ đồng giá trị đầu tư), hiện đang chờ các thủ tục xác nhận của PVC-Pacific để hoàn thành công tác thoái vốn.
- Hiện PVC đang tiếp tục triển khai các thủ tục để thoái phần vốn góp của PVC tại Công ty CP Đầu tư xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC- Kinh Bắc), Công ty CP Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD) và Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang (INT). Trong quý I/2017 đã hoàn thành công tác thoái vốn tại PVSD thu về 30 tỷ đồng /30 tỷ đồng giá trị đầu tư.
- Tiếp tục tập trung giao việc trực tiếp và tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động SXKD tại 03 đơn vị nòng cốt là PVC-MS, PVC-IC và PVC-PT. Duy trì và tăng cường đầu tư nâng cao năng lực trong hoạt động xây lắp cho nhóm các đơn vị, bao gồm: PVC-TB, PVC-DH, PVC-Đông Đô và PVC-TH để tận dụng lợi thế, năng lực và thế mạnh của từng đơn vị.
- Đôn đốc các đơn vị hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống UPCOM. Đến thời điểm hiện tại, PVC-Mekong đã chính thức được giao dịch trên thị trường UPCOM.
- Đối với công tác thoái vốn tại các dự án bất động sản tại các đơn vị của PVC: PVC-Thái Bình đã hoàn thành công tác ký kết hợp đồng chuyển nhượng và bàn

giao mặt bằng khu đất 7,6ha của PVC-Thái Bình cho Ban QLDA/Tập đoàn tiếp tục đầu tư xây dựng Khu nhà ở CBCNV vận hành, sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2; PVC-Mekong đã hoàn thành công tác chuyển nhượng khu đất ở Hưng Phú – Cần Thơ, dự án KĐT Dầu khí Đức Giang (PVC-Đông Đô),... Trong quý I/2017, PVC-Bình Sơn đã bán đấu giá thành công Cao ốc PhuDat Riverside, PVC-IC đã tìm kiếm được khách hàng đặt cọc nhận chuyển nhượng dự án Khu căn hộ cao cấp Thanh Bình.

- Thực hiện theo đề án tái cơ cấu của PVC đã được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 2034a/QĐ-XLKD ngày 20/9/2013 và quyết định 905/QĐ-DKVN ngày 20/4/2015, trong năm 2016, PVC-Petroland ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long thu về khoảng 450 tỷ đồng.

❖ **Công tác chuyển nhượng/chuyển giao các dự án:**

- *Dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp-Tiền Giang (Dự án):* Phối hợp với Tập đoàn hoàn thiện Hợp đồng bồi hoàn chi phí và các Biên bản chuẩn bị công tác bàn giao dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại văn bản số 11704/BTC-TCĐN ngày 22/8/2016. Hiện Tổ chuyển giao dự án của PVC đã làm việc với Sở Tài nguyên môi trường và các Sở/Ngành liên quan của tỉnh Tiền Giang trao đổi và thống nhất một số nội dung liên quan đến hợp đồng thuê đất giữa PVC và PVPIPE.
- *Dự án Khu trung tâm thương mại, Tháp Dầu khí và công viên giải trí (Dự án):* Hoàn thành các thủ tục quyết toán, chuyển nhượng dự án cho Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Linh.
- *Khu nhà ở CBCNV ngành Dầu khí của PVC – TB tại thành phố Thái Bình:* đã hoàn thành công tác ký kết hợp đồng chuyển nhượng và bàn giao mặt bằng khu đất 7,6ha của PVC-Thái Bình cho Ban QLDA/Tập đoàn tiếp tục đầu tư xây dựng Khu nhà ở CBCNV vận hành, sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

Ngoài ra, PVC cũng đã chỉ đạo và hỗ trợ các đơn vị thành viên tiếp tục rà soát, tìm kiếm các đối tác để thoái vốn/chuyển nhượng các dự án khác như: Bạc Liêu Tower (PVC-Mekong), Sân golf Nha Trang (Petroland và INT)...

4. Một số hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong năm 2016, Tổng công ty cũng gặp không ít các khó khăn, vướng mắc từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan làm tác động tiêu cực đến công tác triển khai, thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch, cụ thể:

- Việc thay đổi Chủ đầu tư hoặc Chủ đầu tư thực hiện dừng/giãn đầu tư các công trình/dự án hoặc giảm giá trị hợp đồng do thay đổi khối lượng thi công, do áp dụng chính sách tiết giảm chi phí,... đã ảnh hưởng lớn đến công tác tìm kiếm nguồn công việc của toàn Tổng công ty.

- Mặc dù 5/9 đơn vị chi phối của PVC hoạt động có lãi trong năm 2016, tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu còn thấp, còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Một số đơn vị hạch toán lãi nhờ kết quả công tác thoái vốn đầu tư được hoàn nhập trích lập dự phòng, chưa thực sự từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty. Nhiều các đơn vị còn thiếu tính chủ động trong công tác tìm kiếm nguồn việc, phụ thuộc hoàn toàn vào việc được Tổng công ty giao thầu/ chỉ định.
- Công tác hoàn thành hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng/ giá trị hoàn thành còn nhiều vướng mắc, cá biệt một số nhà thầu phụ thi công các dự án của Công ty mẹ Tổng công ty chưa nghiêm túc trong công tác hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu; thiếu sót hồ sơ,... dẫn đến kết quả thu hồi vốn/công nợ chưa thực sự hiệu quả, giá trị khối lượng dở dang còn tồn đọng lớn.
- Các vướng mắc, phát sinh tại một số dự án của Tổng công ty chưa được giải quyết như: dự án PVTex, dự án Ethanol Phú Thọ,... dẫn đến công nợ tiếp tục tồn tại...
- + Công tác thoái vốn tại các dự án bất động sản của một số đơn vị kéo dài và chưa hoàn thành dẫn đến nguồn vốn còn tồn đọng lớn, thiếu vốn lưu động phục vụ công tác thi công các công trình...

Bên cạnh những khó khăn tồn tại nêu trên, việc các Cơ quan pháp luật thực hiện công tác điều tra, thanh tra làm ảnh hưởng lớn đến tâm lý CBCNV toàn Tổng công ty.



II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Năm 2017, PVC tiếp tục phải đối diện với các khó khăn về việc tìm kiếm nguồn công việc. Nhiều dự án dừng/giãn tiến độ, thay đổi Chủ đầu tư như: dự án NMNĐ Quảng Trạch 1, dự án Lô B - Ô Môn, dự án LNG Thị Vải... đã ảnh hưởng lớn đến công tác xây dựng kế hoạch của PVC. Trước những khó khăn, Tổng Công ty PVC xây dựng mục tiêu kế hoạch năm 2017 kính trình Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017
1	Tổng giá trị SXKD	tỷ đồng	11,284.32	7,400.00
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	tỷ đồng	8,953.77	6,000.00
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	9,298.92	7,000.00
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	tỷ đồng	7,098.74	5,800.00
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	113.70	67.00
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	tỷ đồng	137.07	55.00
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	91.72	40.00
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	tỷ đồng	138.76	55.00
5	Nộp ngân sách Nhà nước	tỷ đồng	926.84	248.00
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	tỷ đồng	598.26	135.00
6	Giá trị đầu tư Công ty mẹ	tỷ đồng	-	15.00
7	Thu nhập b/q người lao động	tr.đ/ người/ tháng	11.89	10.20

2. Các nhiệm vụ trọng tâm

- 1.1. Tập trung tổ chức sản xuất kinh doanh để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 đề ra.
- 1.2. Quyết liệt thực hiện công tác tái cơ cấu đã được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20/9/2013, Quyết định 905/QĐ-DKVN ngày 20/4/2015 và theo phương án tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016-2020 được Tập đoàn tạm phê duyệt tại Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31/12/2016.
- 1.3. Chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công,... để có thể triển khai các công trình/dự án trọng điểm được Tập đoàn và các chủ đầu tư giao đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu, như: dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, dự án Lọc hóa Dầu Nghi Sơn, dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, các giàn DK của Bộ Quốc Phòng, Xưởng Thái Bình 2,.....Tăng

cường công tác giám sát, điều hành và điều phối công tác thi công trên công trường. Trong đó, Công ty mẹ Tổng công ty/các đơn vị thành viên cần ưu tiên, tập trung mọi nguồn lực cho dự án NMNĐ Thái Bình 2.

- 1.4. Quyết liệt trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, thu hồi công nợ tại các dự án/công trình; Rà soát, đối chiếu, thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản công nợ chéo giữa các đơn vị, công nợ nội bộ với các đơn vị thành viên Tập đoàn; Các đơn vị thành viên cần khẩn trương thực hiện thoái vốn tại các dự án bất động sản nhằm thu hồi vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn vay và bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của đơn vị như dự án Thanh Bình của PVC-IC, dự án Bạc Liêu Tower của PVC-Mekong, các dự án bất động sản của PVC-Bình Sơn, PVC-Duyên Hải, PVC-Đông Đô...
- 1.5. Kiểm soát chặt chẽ và tăng cường tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; Quán triệt triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí quản lý, tập trung giảm giá thành và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tại Công ty mẹ, phấn đấu trong năm 2017 cân bằng thu chi trong hoạt động SXKD chính.
- 1.6. Tập trung củng cố, hoàn thiện, nâng cao công tác quản lý kinh tế, quản lý tài chính, hạch toán kinh doanh, quản lý hợp đồng,.. đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Tập đoàn và Tổng công ty và đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 1.7. Rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của Tổng công ty.
- 1.8. Quyết liệt thực hiện công tác định biên, rà soát, sắp xếp nhân sự đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của các đơn vị/Tổng công ty hiện nay.
- 1.9. Đối với Lãnh đạo tại các đơn vị/Lãnh đạo các Ban chuyên môn/Văn phòng cần tăng cường và chủ động trong công tác báo cáo tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty nhằm kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, tránh ảnh hưởng tác động tiêu cực đến hoạt động SXKD của Tổng công ty.
- 1.10. Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh, nhằm tạo cơ sở phát triển bền vững cho PVC trong các năm tiếp theo.

3. Giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017

Để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2017 đã đề ra như trên, PVC đã xây dựng các giải pháp nhằm củng cố, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

1. Công tác tái cơ cấu, tổ chức và quản lý

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty đảm bảo phù hợp với các Quy định của Nhà nước và điều lệ của Tổng công ty.
- Hoàn thành công tác kiện toàn đơn vị xây lắp nòng cốt khu vực miền Bắc.
- Tiếp tục thực hiện thoái phần vốn góp của PVC tại các công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính không nằm trong lĩnh vực hoạt động SXKD chính của Tổng công ty trên cơ sở 3 nguyên tắc: (1) Phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; (2) Phù hợp với nguyên tắc và điều kiện thị trường; (3) Bảo toàn vốn ở mức cao nhất. Phương thức, giá bán và tiến độ thực hiện đối với từng khoản mục sẽ được xây dựng phương án chi tiết báo cáo các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Thực hiện công tác giải thể phá sản các đơn vị không còn khả năng hoạt động liên tục sau khi triển khai công tác xử lý tối đa các khoản công nợ, vướng mắc giữa đơn vị với PVC và các đơn vị của PVC phù hợp với các quy định của Pháp luật.
- Tổ chức sắp xếp, thu gọn các đơn vị thành viên, các công ty con theo hướng chuyên môn hóa vào từng lĩnh vực SXKD phù hợp với chuỗi liên kết, ngành nghề kinh doanh của PVC, phù hợp với chủ trương và các quyết định của Tập đoàn. Kiện toàn, nâng cao năng lực và đổi mới công tác quản trị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị nòng cốt như PVC-MS, PVC-PT, PVC-IC, PVC-Bình Sơn.
- Tiếp tục kiện toàn, cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo gọn nhẹ, có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu trong công tác điều hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Rà soát, tổ chức sắp xếp lại lao động nhằm mục tiêu giảm lao động gián tiếp, tăng lao động trực tiếp và phát huy trình độ, năng lực của người lao động.

2. Công tác kinh tế, đấu thầu

- Xây dựng các chỉ tiêu cụ thể về công tác tiếp thị đấu thầu làm cơ sở, mục tiêu trong quá trình thực hiện.
- Hoàn thành công tác xây dựng hệ thống đơn giá, định mức nội bộ của Tổng công ty.
- Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn để đẩy mạnh thực hiện công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn công việc đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2017 cũng như nguồn việc gối đầu cho những năm sau/giao cho các đơn vị thành viên thực hiện để hỗ trợ đơn vị phát triển theo định hướng phát triển của Tổng công ty.
- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác quản lý tài chính, tiếp thị, đấu thầu, tổ chức hợp tác, liên danh với các đơn vị khác đẩy mạnh tìm kiếm thông tin, tiếp thị đấu thầu cung cấp các dịch vụ xây lắp các dự án ngoài ngành.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống nguồn dữ liệu, trong đó bao gồm dữ liệu và hồ sơ năng lực kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự, hồ sơ năng lực nhân sự, hồ sơ máy móc thiết bị, dữ liệu về nhà cung cấp, định mức, đơn giá nội bộ của Tổng công ty.

3. Công tác tài chính, kế toán

- Lập kế hoạch, chủ động thực hiện thu xếp, huy động các nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho các công trình/dự án đang thi công cũng như hoạt động SXKD của Tổng công ty trong năm 2017. Tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền đảm bảo sử dụng đúng mục đích.
- Tính toán hiệu quả kinh tế, tiết giảm tối đa chi phí quản lý, tối đa hóa lợi nhuận tại các dự án, kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Tăng cường kiểm soát tài chính tại các Ban điều hành dự án, làm việc với các đơn vị xem xét hiệu quả, thực trạng và có biện pháp tăng cường hạch toán kinh doanh.
- Trên cơ sở hệ thống định mức, đơn giá nội bộ thực hiện giao khoán đối với các công trình mới triển khai, triển khai công tác phân tích hoạt động kinh tế, kế toán quản trị.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát công tác hạch toán kế toán tại các Ban điều hành, các đơn vị thành viên từ đó có những chỉ đạo cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán. Kiện toàn bộ máy làm công tác tài chính kế toán từ công ty mẹ tới các Công ty con và các Ban điều hành trực thuộc Tổng công ty.
- Đối với công tác thu hồi, xử lý nợ:
 - + Tiếp tục rà soát các khoản công nợ phải thu, giá trị khối lượng dở dang tại các công trình/dự án, các đơn vị. Xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi-xử lý nợ trong năm 2017. Quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.
 - + Xây dựng/ thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tại các đơn vị thành viên để xây dựng phương án xử lý nợ. Luôn bám sát, phối hợp chặt chẽ, kịp thời giải quyết các tồn đọng, khó khăn vướng mắc nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

4. Công tác chỉ đạo, điều hành thi công tại các dự án/ công trình

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành thi công và triển khai các dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đặc biệt chú trọng các nhiệm vụ trọng tâm sau:
 - + Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, các hạng mục xây dựng dự án NMNĐ Sông Hậu 1,...

- + Hoàn thành công tác nghiệm thu thanh quyết toán gói thầu: Nạo vét và Building 3B, Civil 6 – dự án LHD Nghi Sơn, gói thầu xử lý nền dự án NMNĐ Sông Hậu 1, dự án Viện Dầu khí phía Nam,...
- Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát thi công trên các công trường, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện dự án, kịp thời giải quyết vướng mắc trong quá trình thi công. Với vai trò tổng thầu EPC, tổ chức thi công khoa học, quản lý, theo dõi chặt chẽ các đơn vị thi công để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của PVC.
- Rà soát đánh giá năng lực của các đơn vị, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các đơn vị trong công tác thi công xây dựng. Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát và chỉ đạo các đơn vị trong quá trình triển khai dự án.
- Tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong toàn Tổng công ty, chuẩn hóa các quy trình, quy định về quản lý, tổ chức thi công, tổ chức công trường, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân.

5. Công tác đầu tư

- Triển khai công tác đầu tư Trụ sở Tổng công ty; Hoàn thành công tác chuyển giao tại dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp – Tiền Giang.
- Đôn đốc các đơn vị thành viên, đặc biệt tại các đơn vị nòng cốt tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Phối hợp với các đơn vị thành viên tích cực tìm kiếm đối tác nhằm thoái vốn đầu tư tại các dự án không đem lại hiệu quả kinh tế và các dự án không nằm trong lĩnh vực kinh doanh chính của đơn vị.

6. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai các khóa đào tạo hướng về các dự án trọng điểm với các chuyên đề: An toàn – Vệ sinh lao động; Quản lý các dự án công trình năng lượng (nhiệt điện than, điện gió,...); công nghệ Bim và phần mềm Tekla (nhằm quản lý thiết kế, thiết kế biện pháp thi công và giám sát hiệu quả); quản trị tài chính và quản trị rủi ro; Chương trình đào tạo đội ngũ Giám đốc/chuyên gia/cán bộ điều hành các dự án/công trình trọng điểm, tổng thầu EPC và đào tạo tiếng Anh tại các công trình/dự án.
- Thường xuyên thực hiện tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại để xây dựng đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, có trình độ cao. Tăng cường thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và đào tạo chuyên sâu định hướng chuyên gia cho đội ngũ cán bộ làm công tác thiết kế, thi công công trình áp dụng các công nghệ tiên tiến vào việc thực hiện các dự án.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty:

Trước tình hình kinh tế trong nước và thế giới diễn biến hết sức phức tạp, thị trường tài chính tiền tệ, giá cả vật tư, nguyên vật liệu cũng như nhân công trong nước có nhiều biến động, PVC còn phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách với đặc thù riêng đến từ những nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan của PVC.

Tuy nhiên, với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Cổ đông lớn nhất của PVC, sự hỗ trợ của các Ban chuyên môn, các đơn vị thành viên Tập đoàn và đặc biệt là tập thể CBCNV PVC đã chủ động, nỗ lực bền bỉ từng bước tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đồng thời quyết tâm thực hiện những mục tiêu ngắn hạn và dài hạn mà PVC đã đề ra trong chiến lược phát triển của mình.

Trong năm 2016, HĐQT đã tập trung chỉ đạo Công ty mẹ và các đơn vị thành viên PVC chú trọng vào 3 nhiệm vụ chính:

- Đẩy mạnh giám sát, chỉ đạo hoạt động SXKD để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua; đảm bảo tiến độ và chất lượng các dự án trọng điểm của Tập đoàn/các đơn vị thành viên của Tập đoàn mà PVC đang thực hiện.
- Quyết liệt đẩy mạnh công tác tái cơ cấu tại Công ty mẹ PVC và các đơn vị thành viên theo phương án tái cơ cấu đã được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN và Quyết định số 905/QĐ-DKVN.
- Tập trung xử lý tồn tại, vướng mắc liên quan đến công nợ, bảo lãnh, tạm ứng.

Kết quả thể hiện tại các chỉ tiêu hoạt động SXKD năm 2016 như sau: Kết quả thực hiện công tác quản lý, điều hành mặc dù không đạt kế hoạch sản lượng, doanh thu nhưng đã đảm bảo cho toàn Tổng công ty hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho năm 2016 và có mức tăng trưởng cao hơn năm 2015, cụ thể:

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện **11.284,32 tỷ đồng**/11.900 tỷ đồng, bằng 95% kế hoạch năm và tương đương 91% so với năm 2015. Trong đó, Công ty mẹ PVC thực hiện **8.953,77 tỷ đồng**/9.500 tỷ đồng, bằng 94% kế hoạch năm và tương đương 91% so với năm 2015.
- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện **9.298,92 tỷ đồng**/11.000 tỷ đồng, bằng 85% kế hoạch năm và tương đương 78% so với năm 2015. Trong đó, Công ty mẹ PVC thực hiện **7.098,74 tỷ đồng**/8.600 tỷ đồng, bằng 83% kế hoạch năm và tương đương 78% so với năm 2015.

- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp thực hiện **113,70 tỷ đồng**/125 tỷ đồng, bằng 91% kế hoạch năm và tương đương 128% so với năm 2015. Trong đó, Công ty mẹ PVC thực hiện **137,07 tỷ đồng**/83 tỷ đồng, bằng 165% kế hoạch năm và tương đương 101% so với năm 2015.
- Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp thực hiện **91,72 tỷ đồng**/75 tỷ đồng, bằng 122% kế hoạch năm và tương đương 404% so với năm 2015. Trong đó, Công ty mẹ thực hiện **138,76 tỷ đồng**/83 tỷ đồng, bằng 167% kế hoạch năm và bằng 102% so với năm 2015.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PVC đạt 11,7% (năm 2015 đạt 13%).
- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PVC tại thời điểm 31/12/2016 đạt 1.189,95 tỷ đồng, tăng 13% so với vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 (1.051,19 tỷ đồng).
- Giá trị phải nộp ngân sách Nhà nước toàn tổ hợp thực hiện **926,84 tỷ đồng**/610 tỷ đồng, bằng 152% kế hoạch năm và tương đương 105% so với năm 2015. Trong đó, Công ty mẹ PVC thực hiện **598,26 tỷ đồng**/458 tỷ đồng, bằng 131% kế hoạch năm và bằng 86% so với năm 2015.
- Tiền lương bình quân người lao động đạt **11,89 triệu đồng**/người/tháng, đạt 109% kế hoạch năm và tăng 10% so với năm 2015. Trong đó, riêng Công ty mẹ PVC đạt **13,89 triệu đồng**/người/tháng đạt 116% kế hoạch năm và tăng so với năm 2015 là 9%.

Năm 2016, HĐQT đã căn cứ vào Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt để xây dựng chương trình làm việc, đã đưa ra các định hướng đúng đắn, chỉ đạo Tổng giám đốc xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp cụ thể nhằm khai thác tối đa các yếu tố thuận lợi, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV trong toàn Tổng công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch đề ra và đã đạt được một số kết quả sau:

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Tổng công ty và 19 đơn vị trong Tổng công ty.
- Năm 2016 là năm thứ 3 liên tiếp Tổng công ty có lãi đã góp phần làm giảm lỗ lũy kế của Tổng công ty do phát sinh từ các năm trước. Đồng thời, trong năm 2016 Tổng công ty đã tiếp tục làm rõ các rủi ro tiềm ẩn dự kiến sẽ tác động trực tiếp tới kết quả SXKD của PVC.
- Mặc dù Phục lục Hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 chưa được điều chỉnh trong năm 2016, tại dự án gặp nhiều khó khăn nhưng toàn Tổng công ty đã tập trung nguồn lực tối đa để liên tục thi công dự án NMNĐ Thái Bình 2 đến nay. Tổng công ty đã phối hợp với Ban QLDA/Đơn vị tư vấn lập lại Tổng mức đầu tư dự án NMNĐ Thái Bình 2 và đã được Hội đồng thành viên Tập đoàn phê duyệt

điều chỉnh, Tổng công ty đã phối hợp với Ban QLDA hoàn thành lập lại Tổng dự toán, đồng thời trình Ban QLDA giá gói thầu EPC điều chỉnh và các nội dung điều chỉnh điều khoản của hợp đồng EPC theo quyết định 2414/QĐ-TTg để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Công ty mẹ và các đơn vị thành viên đã hoàn thành, bàn giao Chủ đầu tư/Tổng thầu các công trình: Gói thầu San lấp và xử lý nền Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau, dự án Âu tàu Rạch Chanh và Trung tâm điều khiển Âu tàu, dự án Trung tâm PTTN và Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam- Giai đoạn 1, Topside RC9, dự án 3P, Topside, chân đế giàn nhà ở dự án Sư Tử Trắng, chân đế dự án Thỏ trắng 3,... Thực hiện khởi công các công trình: Gói thầu Thi công các hạng mục xây dựng và Lắp đặt- Dự án NMNĐ Sông Hậu 1, Trung tâm PTTN và Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam- Giai đoạn 2, Khu đào tạo quốc tế thuộc Học viện An Ninh Nhân Dân, gói thầu hoàn thiện khu vực ngoại vi nhà máy NPK Phú Mỹ; gói thầu thi công các hạng mục xây dựng - Số 2 thuộc Dự án Nhà máy xử lý Khí Cà Mau,...
- rà soát tình hình thực hiện công tác tái cơ cấu giai đoạn 2012-2015, trên cơ sở đó hoàn thành và báo cáo Tập đoàn về phương án tái cơ cấu giai đoạn 2016-2020; Hoàn thành công tác thoái toàn bộ phần vốn góp của Tổng công ty tại PVL, Sopewaco và một phần vốn góp tại các đơn vị niêm yết thu về 27,12 tỷ đồng/63,69 tỷ đồng giá trị đầu tư, giảm 2 đầu mỗi so với số đầu mỗi tại thời điểm 31/12/2015 (34 đơn vị), giảm 8 đầu mỗi so với số đầu mỗi tại thời điểm Tập đoàn ban hành Quyết định 2034a/QĐ-DKVN ngày 20/9/2013 (40 đơn vị).
- Tại các đơn vị thành viên đã hoàn thành việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn góp của các đơn vị thành viên tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (PVC-Petroland), Khu nhà ở CBCNV Nhà máy nhiệt điện Thái Bình (PVC-Thái Bình), khu đất tại Hưng Phú của PVC-Mekong.
- Công tác thu hồi công nợ đã đạt được những kết quả nhất định, cả năm 2016 đã thu hồi được 294,29 tỷ đồng, góp phần lớn vào việc hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận năm 2016 của Công ty mẹ Tổng công ty. Hoàn thành việc ký kết hợp đồng cầm cố/thế chấp tài sản đảm bảo nguồn vay với các đơn vị đang sử dụng khoản vay ủy thác là PVC-Petroland, PVNC và PVC-Idico.
- Thực hiện quyết toán chi phí quản lý năm 2015 và giao khoán chi phí quản lý năm 2016 gắn với hiệu quả SXKD của các Ban ĐHDA trực thuộc Tổng công ty. Đồng thời quyết liệt, thực hiện triệt để chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí trong công tác quản lý được tiến hành toàn diện, thống nhất tới các Ban/Văn phòng/Ban ĐHDA/Chi nhánh và đơn vị thuộc PVC. Kết quả, trong năm 2016, toàn Tổng công ty thực hiện tiết giảm được 36,18 tỷ đồng/ 27,13 tỷ đồng kế hoạch tiết giảm chi phí đã đăng ký với Tập đoàn. Trong đó Công ty mẹ thực hiện tiết giảm từ chi phí quản lý 9,7 tỷ đồng.

- Triển khai đánh giá rà soát, tổng kết đánh giá hiệu quả mô hình hoạt động của các Ban điều hành Dự án trực thuộc Tổng công ty. Triển khai ký kết Văn bản Ủy quyền giữa HĐQT PVC và Người đại diện phần vốn của PVC tại các doanh nghiệp khác; Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cán bộ đến giai đoạn 2021 diện Tập đoàn quản lý, quy hoạch cán bộ đến giai đoạn 2021 diện Tổng công ty quản lý tại các đơn vị và xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2021 tại các Ban/Văn phòng/Chi nhánh/Ban ĐHDA của Tổng công ty.

Tiếp tục thực hiện rà soát các quy chế/quy định hiện hành để cập nhật, điều chỉnh phù hợp với các nội dung tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy định hiện hành của pháp luật hiện hành. Trong năm 2016, Tổng công ty đã sửa đổi, bổ sung 09 Quy chế, Quy định, Quy trình và ban hành 02 chương trình hành động.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2017, HĐQT đã xác định Tổng công ty tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, ngoài các yếu tố từ nguồn lực của PVC thì các yếu tố rủi ro tiềm ẩn nêu trên sẽ tiếp tục bộc lộ. HĐQT đã chỉ đạo Tổng giám đốc hết sức thận trọng khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016			Kế hoạch năm 2017
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)	
1	Giá trị SXKD	11,900.00	11,284.32	95%	7,400.00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>9,500.00</i>	<i>8,953.77</i>	<i>94%</i>	<i>6,000.00</i>
2	Tổng doanh thu	11,000.00	9,298.92	85%	7,000.00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>8,600.00</i>	<i>1,098.74</i>	<i>13%</i>	<i>5,800.00</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	125.00	113.70	91%	67.00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>83.00</i>	<i>137.07</i>	<i>165%</i>	<i>55.00</i>
4	Lợi nhuận sau thuế	75.00	91.72	122%	40.00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>83.00</i>	<i>138.76</i>	<i>167%</i>	<i>55.00</i>
5	Nộp NSNN	610.00	926.84	152%	248.00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>458.00</i>	<i>598.26</i>	<i>131%</i>	<i>135.00</i>
6	Giá trị đầu tư	603.87	305.28	51%	-
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>6.54</i>	-	<i>0%</i>	<i>15.00</i>
7	Thu nhập bình quân	10.95	11.89	109%	10.20
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>12.00</i>	<i>13.89</i>	<i>116%</i>	<i>12.20</i>

2. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế năm 2017, HĐQT sẽ chỉ đạo triển khai đồng bộ và thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như sau:

- Tập trung tổ chức sản xuất kinh doanh để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 đề ra.
- Quyết liệt thực hiện công tác tái cơ cấu đã được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20/9/2013, Quyết định 905/QĐ-DKVN ngày 20/4/2015 và theo phương án tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016-2020 sau khi được Tập đoàn chấp thuận.
- Chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công,... để có thể triển khai các công trình/dự án trọng điểm được Tập đoàn và các chủ đầu tư giao đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu, như: dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, dự án Lọc hóa Dầu Nghi Sơn, dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, các giàn DK của Bộ Quốc Phòng,... Tăng cường công tác giám sát, điều hành và điều phối công tác thi công trên công trường. Trong đó, Công ty mẹ Tổng công ty/các đơn vị thành viên cần ưu tiên, tập trung mọi nguồn lực cho dự án NMNĐ Thái Bình 2.
- Quyết liệt trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, thu hồi công nợ tại các dự án/công trình; Rà soát, đối chiếu, thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản công nợ chéo giữa các đơn vị, công nợ nội bộ với các đơn vị thành viên Tập đoàn; Các đơn vị thành viên cần khẩn trương thực hiện thoái vốn tại các dự án bất động sản nhằm thu hồi vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn vay và bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của đơn vị như dự án Thanh Bình của PVC-IC, dự án Bạc Liêu Tower của PVC-Mekong, các dự án bất động sản của PVC-Bình Sơn, PVC-Duyên Hải, PVC-Đông Đô...
- Kiểm soát chặt chẽ và tăng cường tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; Quán triệt triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí quản lý, tập trung giảm giá thành và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tại Công ty mẹ, phấn đấu trong năm 2017 cân bằng thu chi trong hoạt động SXKD thuần.
- Rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của Tổng công ty.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch	5/5	100%	
2	Ông Nguyễn Anh Minh	Thành viên	4/5	80%	Công tác
3	Ông Bùi Ngọc Hưng	Thành viên	5/5	100%	
4	Ông Nguyễn Huy Hòa	Thành viên	5/5	100%	
5	Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Thành viên	5/5	100%	

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2016, từng Thành viên HĐQT đã thực hiện vai trò và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế làm việc của HĐQT PVC và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức, nhân sự,... của PVC cũng như giám sát nhiệm vụ, quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua việc:

- Tham gia tất cả các hoạt động của HĐQT như đã tổng kết tại các phần nêu trên;
- Tham gia hoặc ủy quyền tham gia các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp khác;
- Có ý kiến để HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực cụ thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PVC và trực tiếp phụ trách một số đơn vị thành viên của PVC theo phân công nhiệm vụ trong HĐQT PVC.

HĐQT PVC đã theo sát và giám sát Ban Tổng giám đốc để triển khai thực hiện các nội dung tại các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành về kế hoạch triển khai các dự án trọng điểm đảm bảo tiến độ, chất lượng như: dự án San lấp và xử lý nền Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau, dự án Âu tàu Rạch Chanh và Trung tâm điều khiển Âu tàu, dự án Trung tâm PTTN và Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam- Giai đoạn 1, dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, các gói thầu tại dự án Nhà máy LHD Nghi Sơn, Topside RC9, dự án 3P, Topside, chân đế giàn nhà ở dự án Sư Tử Trắng, chân đế dự án Thỏ trắng 3,...

HĐQT theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các cuộc họp giao ban của Tổng công ty, giao ban tại công trường với Ban

QLDA/Ban điều hành dự án. Qua đó, kịp thời chỉ đạo Ban Tổng giám đốc về công tác điều hành, đẩy nhanh tiến độ triển khai, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán tại các công trình/dự án.

Năm 2016, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện rà soát, đánh giá tình hình thực hiện công tác tái cơ cấu giai đoạn 2012-2015, từ đó xây dựng phương án Tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016-2020 báo cáo Tập đoàn và đã được Tập đoàn tạm phê duyệt tại nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31/12/2016.

HĐQT đã chỉ đạo Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch chi tiết công tác thu hồi, xử lý nợ năm 2016 và triển khai đến các Ban/Văn phòng/Ban ĐHDA/Chi nhánh và Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị (văn bản số 1543/XLDK-XLN ngày 16/5/2016); Thường xuyên thực hiện rà soát, tổng hợp các khoản phải thu, phải trả, giá trị khối lượng dở dang giữa PVC và các đơn vị thành viên, giữa các đơn vị thành viên với nhau tại các công trình/dự án để xây dựng phương án thu hồi nợ, xử lý công nợ chéo. Trong năm 2016, đã thu hồi được 294,289 tỷ đồng, so với kế hoạch cả năm 2016 là 356,02 tỷ đồng, đạt 83% giá trị thu hồi xử lý nợ đã đề ra.

3. Công tác quản trị, tổ chức, lao động, đào tạo

- Triển khai ký kết văn bản Ủy quyền giữa HĐQT PVC và Người đại diện phần vốn của PVC tại các doanh nghiệp khác; Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ đến giai đoạn 2021 diện Tập đoàn quản lý, quy hoạch cán bộ đến giai đoạn 2021 diện Tổng công ty quản lý tại các đơn vị và xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2021 tại các Ban/Văn phòng/Chi nhánh/Ban ĐHDA của Tổng công ty.
- Phối hợp với các đơn vị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Tổng công ty và các đơn vị (trong đó có 21 đơn vị tổ chức Đại hội thành công).
- Trong năm 2016, Tổng công ty ban hành Quy định khoán chi phí quản lý đối với các Ban ĐHDA, đồng thời ban hành Quy chế trả lương đối với các Ban điều hành dự án thuộc Tổng công ty đảm bảo gắn với kết quả SXKD của các Ban ĐHDA.
- Công tác ký kết hợp đồng lao động và giải quyết thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động được thực hiện theo đúng quy định của Tổng công ty và pháp luật hiện hành. Tổng số CBCNV đến thời điểm 31/12/2016 của toàn Tổng công ty là 3.891 người. Trong đó lao động tại Công ty mẹ là 527 người. Số lao động có việc làm thường xuyên là 3.825 người; Số lao động nghỉ chờ việc, nghỉ không lương, nghỉ luân phiên là 66 người.
- Thu nhập bình quân năm 2016 của lao động định biên toàn Tổng công ty là 11,89 triệu đồng/người/tháng, bằng 109% kế hoạch năm. Trong đó: Công ty mẹ là: 13,89 triệu đồng/người/tháng, bằng 116% kế hoạch năm.
- Tiếp tục bổ sung hoàn thiện việc xây dựng dự thảo Kế hoạch 5 năm 2016-2020 và chiến lược Đào tạo- Phát triển nhân lực đến năm 2025, định hướng đến năm

2035. Năm 2016, toàn Tổng công ty đã thực hiện 109 khóa đào tạo với 5.655 lượt người, kinh phí thực hiện là 12,248 triệu đồng. Công ty mẹ đã tổ chức đào tạo cho 538 lượt người, kinh phí đào tạo của Công ty mẹ là 1.095,5 triệu đồng, trong đó được PVN hỗ trợ 45,6% kinh phí.

Các chương trình đào tạo về quản trị công ty trong năm 2016

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

- Quản trị tài chính và quản trị rủi ro;
- Quản lý dự án các công trình năng lượng.
- Quản trị tài chính trong hội nhập quốc tế;
- Chiến lược phát triển nguồn nhân lực (Hội thảo quốc tế);
- Quản trị nguồn nhân lực chất lượng cao (Hội thảo Quốc tế);
- Quản trị tài chính trong hội nhập quốc tế;

4. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Lai	Trưởng Ban	06	100%	
2	Bà Trần Thị Trang	Thành viên	06	100%	
3	Ông Hứa Xuân Nam	Thành viên	06	100%	
4	Bà Trần Thị Phương Thúy	Thành viên	06	100%	
5	Bà Nguyễn Lệ Thủy	Thành viên	05/06	83%	Nghỉ chế độ thai sản

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016, trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được Tập đoàn phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua, Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã tập trung triển khai, thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm, ngoài việc giám sát tường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Tổng công ty Ban Kiểm soát đã thực hiện:

- Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp về quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, các quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc (TGD) PVC thông qua việc xem xét nghiên cứu các Nghị quyết của HĐQT và các quyết định điều hành hoạt động SXKD của Ban TGD.
- Kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Tổng công ty qua các cuộc họp, các văn bản và báo cáo định kỳ của các Ban chuyên môn, Ban điều hành và các đơn vị thành viên.
- Thực hiện thẩm tra nội dung đại hội cổ đông thường niên 2016 của các đơn vị thành viên và các đơn vị có vốn góp của PVC.
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2016 trên cơ sở báo cáo tài chính kế toán của Tổng công ty và Biên bản kiểm toán Công ty TNHH Delloite Việt Nam.
- Cử cán bộ tham gia rà soát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý I, II, III/2016 và kế hoạch quý IV/2016 của các đơn vị thành viên Tổng công ty, Chi nhánh xây lắp Công trình Dầu Khí phía Bắc, các Ban điều hành dự án của Tổng công ty...
- Phối hợp với các Ban chức năng của Tổng công ty tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
- Ngày 27/4/2016, Ban Kiểm soát PVC đã đề cử Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của PVC để bầu bổ sung 02 thành viên Ban kiểm soát.
- Ngày 19/05/2016, Ban Kiểm soát PVC họp và phân công lại cho từng thành viên Ban Kiểm soát tại công văn số 1589/XLKD-BKS về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Kiểm soát.
- Ngày 20/5/2016, Ban Kiểm soát ban hành công văn số 1594/XLKD-BKS gửi Chi nhánh Công trình Xây lắp Dầu Khí phía Bắc; Ban điều hành dự án PVTex; Ban điều hành dự án Vũng Áng-Quảng Trạch về việc thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2016 đã được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 1632/QĐ-DKVN ngày 21/3/2016.
- Ngày 24/5/2016, Ban Kiểm soát ban hành công văn số 1622/XLKD-BKS cử cán bộ tham gia khóa học kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro của Tập đoàn tổ chức.
- Cử nhân sự tham gia khóa học kỹ năng kiểm toán viên do Tập đoàn tổ chức theo Quyết định số 1137/QĐ-DKVN ngày 6/6/2016.
- Ngày 15/6/2016, Ban Kiểm soát ban hành công văn số 2029/XLKD-BKS về việc cử đại diện tham gia tổ công tác thoái vốn của PVC.
- Ngày 6/9/2016, Ban Kiểm soát ban hành công văn số 3062/XLKD-BKS, yêu cầu Ban Kiểm soát các Công ty chi phối báo cáo giám sát 06 tháng đầu năm 2016.

- Ngày 31/10/2016, Ban Kiểm soát ban hành công văn số 3721/XLDK-BKS đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty PVC về công tác ổn định tổ chức nhân sự tại các đơn vị chi phối.
- Ngày 16/11/2016, Ban Kiểm soát ban hành công văn số 3952/XLDK-BKS yêu cầu Tổng giám đốc Tổng công ty chỉ đạo các Ban Điều hành, Chi nhánh phía Bắc và Ban chuyên môn báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác quản trị dòng tiền, báo cáo công nợ hàng tháng, quý, gửi cho Ban Kiểm soát.
- Ngày 16/11/2016 công văn số 3953/XLDK-BKS, yêu cầu người đại diện phần vốn tại các đơn vị và Ban Kiểm soát các đơn vị báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng quý và công tác kiểm tra giám sát tại đơn vị.
- Định kỳ thực hiện báo cáo năm 2016, quý I/2016, quý II/2016, quý III/2016 và cả năm 2016 gửi Tập đoàn theo đúng thời hạn và nội dung quy định, Ban Kiểm soát đã có văn bản gửi Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc PVC về kết quả kiểm tra tại Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu Khí phía Bắc số 3371/XLDK-BKS, ngày 3/10/2016 để chỉ đạo thực hiện.
- Ban Kiểm soát đã xem xét nội dung các cuộc họp Ban chỉ đạo Tái cơ cấu và cử nhân sự tham gia họp Hội đồng kiểm kê hàng năm, thẩm định mức trích lập các khoản dự phòng và xử lý tổn thất thực tế của vật tư hàng hoá tồn kho, các khoản đầu tư dự phòng, các khoản nợ phải thu khó đòi không có khả năng thu hồi tại thời điểm 31/12/2016.
- Ngày 07/12/2016, Ban Kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2017 gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại công văn số 4196/XLDK-BKS.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyền hạn và chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty năm 2016 thông qua./.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán



Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	12 - 50

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Minh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Minh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (tạm đình chỉ công tác từ ngày 21 tháng 9 năm 2016)
Ông Trần Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

011
ÔN
NHỆ
ELC
ỆT
ĐA.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

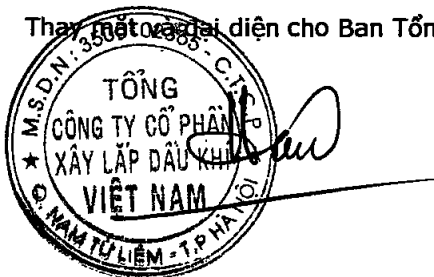
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Tiến Thành

Phó Tổng Giám đốc

(Giấy ủy quyền số 807/UQ-XLDK
ngày 15 tháng 3 năm 2017)

Ngày 10 tháng 4 năm 2017.

Số: 888 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 10 tháng 4 năm 2017, từ trang 6 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán với giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 204 tỷ VND và khoảng 157 tỷ VND. Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào PVC-Land dựa trên phần vốn góp thực tế của Tổng Công ty và báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC-Land cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập trên giả định hoạt động liên tục. Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC-Land cung cấp, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 314,8 tỷ VND, lỗ lũy kế của PVC-Land là khoảng 194,4 tỷ VND và các vấn đề khác ảnh hưởng tới giả định hoạt động liên tục của PVC-Land. Giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của PVC-Land. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư vào PVC-Land từ vấn đề nêu trên. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có một số khoản góp vốn vào các đơn vị khác đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 20,8 tỷ VND và khoảng 3 tỷ VND. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nêu trên. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh này trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại 01 tổ chức tín dụng có sự thay đổi trên cơ sở Tổng Công ty đánh giá PVC-SG đã có phương án trả nợ và tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay tại tổ chức tín dụng cũng như Tổng Công ty xác định rằng tổ chức tín dụng này đã gia hạn thời gian trả nợ cho khoản vay của PVC-SG. Do đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với PVC-SG và tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá cơ sở cho việc hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ lũy kế của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 2.888 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: lỗ lũy kế khoảng 3.026 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 561 tỷ VND và các vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 9 và Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có một số khoản cho vay và bảo lãnh vay cho một số công ty với số tiền lần lượt khoảng 565 tỷ VND và khoảng 238 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh, cho vay và các tổ chức tín dụng để thu hồi các khoản cho vay, giải tỏa thư bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và Thuyết minh số 40 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc và bổ sung các thủ tục theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được phê duyệt chuyển nhượng Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang, cũng như được phê duyệt các giá trị phát sinh chưa lường hết của các công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 40 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị và Thông báo số 3130/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đánh giá ảnh hưởng của các kết luận nêu trên của Thanh tra Chính phủ đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ các kết luận này của Thanh tra Chính phủ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được chúng tôi kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần và một số vấn đề cần nhấn mạnh, khoản dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG vay vốn tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã được Tổng Công ty hoàn nhập toàn bộ với số tiền khoảng 50 tỷ VND (trong tổng số tiền thuận 126 tỷ VND dự phòng nghĩa vụ bảo lãnh được Tổng Công ty hoàn nhập) và vấn đề hoàn nhập này được đề cập trong đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" trên Báo cáo kiểm toán số 976/M.Đ.N.0100/12500/BC ngày 30 tháng 3 năm 2015.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.988.416.548.084	6.561.222.950.072
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	614.570.679.581	525.542.570.371
1. Tiền	111		491.597.228.573	400.042.570.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		122.973.451.008	125.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	88.103.069.636	99.364.960.768
1. Chứng khoán kinh doanh	121		152.668.065.000	201.868.065.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(123.481.055.000)	(158.339.452.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		58.916.059.636	55.836.347.768
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.788.947.307.277	2.188.236.515.346
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	625.353.122.976	790.649.294.095
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.123.578.226.517	1.112.136.275.736
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	575.741.688.393	43.283.031.104
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	434.275.248.935	1.051.585.014.870
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(970.000.979.544)	(809.417.100.459)
IV. Hàng tồn kho	140	12	2.410.350.265.622	3.554.629.836.553
1. Hàng tồn kho	141		2.410.350.265.622	3.554.629.836.553
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		86.445.225.968	193.449.067.034
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	643.471.158	1.647.366.445
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		64.520.427.275	170.544.360.584
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	24	21.281.327.535	21.257.340.005

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.897.756.852.353	2.149.784.513.396
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		55.393.916.889	316.003.686.351
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	-	564.744.018.658
2. Phải thu dài hạn khác	216	10	55.393.916.889	55.393.916.889
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	-	(304.134.249.196)
II. Tài sản cố định	220		39.849.356.335	49.438.801.468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	29.164.624.345	36.091.953.215
- Nguyên giá	222		84.437.409.632	84.800.202.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.272.785.287)	(48.708.249.535)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	15	10.684.731.990	13.310.845.098
- Nguyên giá	225		18.676.108.182	18.676.108.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.991.376.192)	(5.365.263.084)
3. Tài sản cố định vô hình	227	16	-	36.003.155
- Nguyên giá	228		4.652.380.340	4.652.380.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.652.380.340)	(4.616.377.185)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	17	160.747.455.076	158.533.013.657
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		26.197.663.020	24.797.207.501
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		134.549.792.056	133.735.806.156
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.586.870.101.056	1.554.381.547.587
1. Đầu tư vào công ty con	251	18	1.986.206.514.396	1.986.206.514.396
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	19	784.806.467.055	773.588.907.055
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	20	257.059.968.199	267.259.968.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	21	(1.441.202.848.594)	(1.472.673.842.063)
V. Tài sản dài hạn khác	260		54.896.022.997	71.427.464.333
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	54.896.022.997	71.427.464.333
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.886.173.400.437	8.711.007.463.468


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.696.221.929.332	7.659.815.321.333
I. Nợ ngắn hạn	310		5.549.140.584.131	6.541.783.049.433
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	3.168.426.705.211	3.217.294.012.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	659.743.063.113	2.414.981.003.750
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24	1.992.677.782	2.280.828.753
4. Phải trả người lao động	314		52.021.025.504	48.396.743.926
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	318.392.344.388	372.826.343.740
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.831.090.877	12.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	26	331.250.462.331	427.426.132.844
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27	1.019.764.425.998	65.847.195.215
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(7.281.211.073)	(7.281.211.073)
II. Nợ dài hạn	330		147.081.345.201	1.118.032.271.900
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	25	72.178.785.046	73.220.620.500
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		68.933.617.780	78.787.299.545
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	28	2.472.581.503	960.663.265.186
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		3.496.360.872	5.361.086.669
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.189.951.471.105	1.051.192.142.135
I. Vốn chủ sở hữu	410	29	1.189.951.471.105	1.051.192.142.135
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(29.710.000)	(29.710.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.986.992.734	76.986.992.734
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
5. (Lỗ) lũy kế	421		(2.887.505.811.629)	(3.026.265.140.599)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.026.265.140.599)	(3.162.943.749.287)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		138.759.328.970	136.678.608.688
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		6.886.273.406.437	8.711.007.463.468


Vũ Thị Châm
Người lập biểu


Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng




Bùi Tiến Thành
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	7.045.404.921.805	8.950.086.022.303
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	-	216.946.739
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	31	7.045.404.921.805	8.949.869.075.564
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	6.989.359.317.766	8.673.934.056.194
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		56.045.604.039	275.935.019.370
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	51.097.269.143	124.235.168.046
7. Chi phí tài chính	22	34	(57.997.426.831)	(107.242.130.774)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.681.156.015	6.399.836.136
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	27.923.735.774	389.529.986.193
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		137.216.564.239	117.882.331.997
10. Thu nhập khác	31		2.236.185.419	18.905.467.094
11. Chi phí khác	32		2.380.570.947	1.274.644.027
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(144.385.528)	17.630.823.067
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		137.072.178.711	135.513.155.064
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	177.575.538	-
15. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.864.725.797)	(1.165.453.624)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		138.759.328.970	136.678.608.688

(Handwritten signature)

Vũ Thị Châm
 Người lập biểu

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

(Handwritten signature)

Lưu Đức Hoàng
 Kế toán trưởng



Bùi Tiến Thành
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	137.072.178.711	135.513.155.064
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.257.351.678	10.017.136.117
Các khoản dự phòng	03	(309.792.073.083)	225.186.513.665
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.182.922.417)	(2.874.219.677)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(17.133.776.206)	(34.105.922.935)
Chi phí lãi vay	06	6.681.156.015	6.399.836.136
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(175.098.085.302)	340.136.498.370
Giảm các khoản phải thu	09	811.361.195.404	1.007.999.095.661
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	1.142.879.115.412	(1.191.326.410.115)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả)	11	(1.868.124.811.344)	(799.613.041.281)
Giảm chi phí trả trước	12	17.535.336.623	11.798.470.061
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	49.200.000.000	44.515.288.800
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.037.974.782)	(1.815.875.518)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(177.575.538)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	9.862.580.798	9.046.353.985
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.727.635.017)	(9.890.467.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(28.327.853.746)	(589.150.087.967)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.162.243.808)	(12.280.537.578)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	418.743.705	23.721.621.033
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	32.285.361.369	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(32.376.275.833)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	51.310.083.000	120.638.996.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	38.654.552.176	57.320.663.239
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	118.506.496.442	157.024.466.861


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	48.117.616.323	37.375.039.743
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(49.234.367.523)	(31.657.146.820)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3.156.701.700)	(2.750.626.833)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.273.452.900)	2.967.266.090
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	85.905.189.796	(429.158.355.016)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	525.542.570.371	953.397.259.046
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.122.919.414	1.303.666.341
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	614.570.679.581	525.542.570.371



Vũ Thị Châm
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 4 năm 2017



Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



Bùi Tiến Thành
Phó Tổng Giám đốc

T. N. H. H.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 9 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 527 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 575).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nổi, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2,
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch,
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam,
- Ban điều hành dự án nhà máy sơ xối tổng hợp Polyester,
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ, và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc,

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 09 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 12 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 19.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 2.888 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: lỗ lũy kế khoảng 3.026 tỷ VND) và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 561 tỷ VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2017 và các năm tiếp theo, cũng như sẽ nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lộ hóa dầu Nghi Sơn, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và quyết định lập báo cáo tài chính riêng năm 2016 của Tổng Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Báo cáo tài chính riêng này được lập cho công ty và không bao gồm các số liệu báo cáo tài chính của các công ty con và công ty liên kết của công ty. Trong báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có). Tổng Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất trong một báo cáo khác.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Năm nay
(Số năm)
6 - 10

Phương tiện vận tải

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính là phần mềm phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.088.501.990	2.942.182.145
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	490.508.726.583	397.100.388.226
Các khoản tương đương tiền (ii)	122.973.451.008	125.500.000.000
	614.570.679.581	525.542.570.371

- (i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm số tiền khoảng 24,2 tỷ VND gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương - "OceanBank") đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoảng 57,8 tỷ VND gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản và chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Chứng khoán kinh doanh	152.668.065.000	123.481.055.000	201.868.065.000	158.339.452.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	136.068.065.000	109.596.055.000	136.068.065.000	101.654.452.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương (PVC-TBD)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL)	-	-	49.200.000.000	42.800.000.000
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	58.916.059.636	-	55.836.347.768	-

- (i) Thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 4 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Trần Hưng Đạo, lãi suất 5,5%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	27.233.107.690	27.233.107.690
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	93.820.679.496	93.745.194.564
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	86.719.910.935	87.423.358.457
Tổ hợp nhà thầu JGCS	79.155.008.218	49.350.205.205
Ban quản lý các Dự án Đường thủy	49.602.076.008	91.500.697.700
Các khoản khác	288.822.340.629	441.396.730.479
	625.353.122.976	790.649.294.095

Trong đó:

**Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 38)**

378.022.350.728

346.278.263.269

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	138.560.634.501	238.256.667.098
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.941.703.158	113.089.334.990
FLSmidth Wadgassen	69.202.792.277	174.599.500.950
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	-	16.032.830.809
Các khoản khác	806.873.096.581	570.157.941.889
	1.123.578.226.517	1.112.136.275.736

Trong đó:

**Trả trước cho người bán là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 38)**

593.170.210.455

324.533.720.891

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	124.356.150.003	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) (i)	179.912.859.769	167.153.319.304	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO (i)	101.620.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland) (i)	60.587.520.000	-	28.835.361.369	28.835.361.369
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC) (i)	22.623.638.889	10.474.032.816	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	10.997.669.735	10.997.669.735	14.447.669.735	14.447.669.735
	575.741.688.393	312.981.171.858	43.283.031.104	43.283.031.104
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	-	-	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	-	-	179.912.859.769	167.153.319.304
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	-	-	101.620.000.000	5.467.156.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	-	-	60.587.520.000	5.922.385.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	-	-	22.623.638.889	1.235.238.889
	-	-	564.744.018.658	304.134.249.196

- (i) Số dư phải thu về cho vay các công ty này thể hiện: a) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần; và b) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 31 tháng 12 năm 2011 để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (Khách sạn Lam Kinh) vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh. Theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tổng Công ty đã đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi của các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để thanh toán các khoản vay của Oceanbank nêu trên, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

10. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
a) Ngắn hạn	434.275.248.935	1.051.585.014.870
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	105.463.968.095	106.113.162.811
- Ký cược, ký quỹ	70.044.067.535	570.628.281.271
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (i)	46.233.778.156	46.233.778.156
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	42.328.848.975	91.468.656.510
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	24.579.464.014	46.291.634.955
- Phải thu ngắn hạn khác	145.625.122.160	190.849.501.167
b) Dài hạn	55.393.916.889	55.393.916.889
- Ký cược, ký quỹ	55.393.916.889	55.393.916.889
	<u>489.669.165.824</u>	<u>1.106.978.931.759</u>

- (i) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ đến hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.
- (ii) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 39).

11. NỢ XẤU

Thông tin về một số khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	221.227.199.179	90.732.738.886
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	179.912.859.769	12.759.540.465	201.627.102.195	27.804.372.891
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	140.897.486.584	703.859.970	155.457.024.682	18.628.629.266
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	66.697.689.389	-	181.337.477.840	41.572.357.416
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	69.605.577.963	2.124.802.914	69.605.577.963	3.022.782.195
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	63.943.147.786	-	61.611.264.659	23.030.048.513
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	45.492.182.308	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	37.506.687.346	-	44.672.654.196	1.250.162.580
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	33.038.323.852	-	25.555.543.731	909.670.604
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	30.495.439.099	100.965.000	45.198.043.065	18.383.943.809
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	27.426.673.819	-	27.426.673.819	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	23.430.495.547	1.200.720.338	133.409.071.522	71.964.870.404
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	18.265.262.039	663.532.019	21.715.262.039	1.759.643.754
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	18.000.000.000	-	23.575.990.000	23.575.990.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	15.704.792.955	3.242.335.500	16.204.792.955	7.565.449.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	-	-	116.380.911.198	105.354.179.110
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát	-	-	40.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	-	-	39.213.925.313	-

12. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.783.962.582	-	2.293.753.138	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	2.408.566.303.040	-	3.552.336.083.415	-
	2.410.350.265.622	-	3.554.629.836.553	-

- (i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng, chi tiết theo công trình như sau:

	5 số cuối năm	5 số đầu năm
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (ii)	2.098.457.348.542	3.188.588.452.314
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (ii)	249.677.610.271	250.567.444.291
Các công trình khác	60.431.344.227	113.180.186.810
	2.408.566.303.040	3.552.336.083.415

- (ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 40, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của các dự án này. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	5 số cuối năm	5 số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	643.471.158	1.113.527.682
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	533.838.763
	643.471.158	1.647.366.445
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	53.466.431.043	66.668.132.396
Chi phí dài hạn khác	1.429.591.954	4.759.331.937
	54.896.022.997	71.427.464.333

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	32.194.358.803	6.570.787.981	32.029.396.366	14.005.659.600	84.800.202.750
Mua sắm mới	-	165.000.000	-	502.906.545	667.906.545
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.030.699.663)	-	(1.030.699.663)
Số dư cuối năm	32.194.358.803	6.735.787.981	30.998.696.703	14.508.566.145	84.437.409.632
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	10.710.017.077	2.707.000.490	21.562.192.800	13.729.039.168	48.708.249.535
Trích khấu hao trong năm	2.619.142.020	1.160.325.606	3.436.588.607	379.179.182	7.595.235.415
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.030.699.663)	-	(1.030.699.663)
Số dư cuối năm	13.329.159.097	3.867.326.096	23.968.081.744	14.108.218.350	55.272.785.287
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	21.484.341.726	3.863.787.491	10.467.203.566	276.620.432	36.091.953.215
Tại ngày cuối năm	18.865.199.706	2.868.461.885	7.030.614.959	400.347.795	29.164.624.345

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 30.019.313.119 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 27.755.299.327 VND).

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	18.676.108.182
Số dư cuối năm	18.676.108.182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	5.365.263.084
Trích khấu hao trong năm	2.626.113.108
Số dư cuối năm	7.991.376.192
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	13.310.845.098
Tại ngày cuối năm	10.684.731.990

16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	4.652.380.340
Số dư cuối năm	4.652.380.340
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	4.616.377.185
Trích khấu hao trong năm	36.003.155
Số dư cuối năm	4.652.380.340
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	36.003.155
Tại ngày cuối năm	-

17. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1	26.634.279.956	13.317.139.978	27.859.273.633	14.016.684.459
Dự án nhà máy Xơ sợi Polyester	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	13.480.083.636	2.100.000.000	13.780.083.636	-
Các công trình khác	11.436.734.433	1.618.216.162	11.436.734.433	1.618.216.162
	77.310.423.237	26.197.663.020	78.835.416.914	24.797.207.501

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (i)	127.973.080.823	127.302.717.186
Công trình khu đô thị Đại học Dầu khí	3.883.984.985	3.883.984.985
Các công trình khác	2.692.726.248	2.549.103.985
	134.549.792.056	133.735.806.156

- (i) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN ("Quyết định 7089/QĐ-DKVN"). Ngày 08 tháng 01 năm 2014, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 01/QĐ-BQL quyết định chấm dứt hoạt động Dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho Tổng Công ty thực hiện Dự án. Ngày 09 tháng 01 năm 2014, PVN đã ban hành Quyết định số 238/QĐ-DKVN về việc dừng thực hiện Quyết định số 7089/QĐ-DKVN, theo đó PVN chấp thuận nguyên tắc thanh toán cho Tổng Công ty các chi phí Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư vào dự án kể từ thời điểm PVN ký biên bản bàn giao đến thời điểm có quyết định dừng chuyển nhượng dự án. Đồng thời, ngày 20 tháng 01 năm 2014, PVN ban hành Công văn số 470/DKVN-TCKT gửi UBND tỉnh Tiền Giang đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang không thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014 và đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang xem xét thống nhất chủ trương để PVN nhận lại Dự án từ Tổng Công ty.

Ngày 27 tháng 02 năm 2014, UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Thông báo số 32/TB-UBND, thống nhất chủ trương cho lùi thời hạn có hiệu lực của Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014. Ngày 15 tháng 01 năm 2016, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 399/VPCP-KTN yêu cầu PVN khẩn trương thực hiện chuyển giao Dự án, giải quyết dứt điểm nghĩa vụ tài chính liên quan đến Tổng Công ty trước khi chuyển giao Dự án cho UBND tỉnh Tiền Giang. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, quá trình chuyển giao Dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện Dự án. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các sự kiện trên.

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp cuối năm VND	Giá trị vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	367.502.605.998	367.502.605.998	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	325.000.000.000	325.000.000.000	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	286.227.385.833	286.227.385.833	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	203.793.940.000	203.793.940.000	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	Quảng Ngãi	200.000.000.000	200.000.000.000	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
6	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (*)	Hà Nội	195.150.582.565	195.150.582.565	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cà Mau	153.532.000.000	153.532.000.000	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
8	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	153.000.000.000	153.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Bà Rịa - Vũng Tàu	102.000.000.000	102.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
			1.986.206.514.396	1.986.206.514.396			

(*) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại PVC-Petroland và PVC-Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính.

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016-2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (sẽ được thành lập trên cơ sở sắp xếp, thu gọn đầu mối tại 04 đơn vị thành viên nòng cốt: Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo Nghị quyết trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2017 - 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện Nghị quyết nêu trên.

19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp cuối năm VND	Giá trị vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Thành phố Hồ Chí Minh	83.271.467.055	83.848.907.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Hải Phòng	77.400.000.000	63.900.000.000	42%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	72.400.000.000	73.500.000.000	48%	48%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	57.000.000.000	57.000.000.000	30%	30%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
8	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	54.395.000.000	55.000.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sóng Đà (PVSD)	Hà Nội	30.000.000.000	30.000.000.000	27%	27%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
10	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
11	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
12	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) (*)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại
			784.806.467.055	773.588.907.055			

(*) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Petro-link tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35% đồng thời Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

20. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT	Tên các công ty nhận góp vốn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	VND	Tỷ lệ phần sở hữu %
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN)	48.700.000.000	15%	48.700.000.000	15%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000	5%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	-	0%	10.200.000.000	13%
7	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	3.000.000.000	4%	3.000.000.000	4%
8	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (PVC2)	2.795.000.000	5%	2.795.000.000	5%
9	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (PVC4)	2.500.000.000	10%	2.500.000.000	10%
		257.059.968.199		267.259.968.199	

21. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thông tin chi tiết về các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a) Đầu tư vào công ty con	1.986.206.514.396	602.461.241.952	1.986.206.514.396	638.055.178.813
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	367.502.605.998	46.186.477.927	367.502.605.998	49.636.085.138
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	325.000.000.000	106.705.788.313	325.000.000.000	126.411.528.215
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	286.227.385.833	-	286.227.385.833	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) (*)	203.793.940.000	156.956.765.894	203.793.940.000	158.799.344.132
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	200.000.000.000	25.423.072.183	200.000.000.000	21.123.099.284
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (PVC-Đồng Đô)	195.150.582.565	52.420.306.717	195.150.582.565	51.686.340.327
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000	153.392.731.844
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dẫn dụng Dầu khí (PVC-IC)	153.000.000.000	-	153.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	102.000.000.000	61.236.830.918	102.000.000.000	77.006.049.873

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư vào công ty liên kết	784.806.467.055	675.461.092.380	773.588.907.055	660.726.153.839
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	83.271.467.055	83.271.467.054	83.848.907.055	83.848.907.055
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	77.400.000.000	27.994.047.969	63.900.000.000	10.975.648.189
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	72.400.000.000	72.400.000.000	73.500.000.000	73.500.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	57.000.000.000	40.125.206.343	57.000.000.000	35.441.502.586
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	54.395.000.000	45.311.407.054	55.000.000.000	52.251.499.655
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	20.000.000.000	18.026.951.968	20.000.000.000	16.081.452.780
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link)	3.500.000.000	1.492.011.992	3.500.000.000	1.787.143.574
c) Đầu tư dài hạn khác	257.059.968.199	163.280.514.262	267.259.968.199	173.892.509.411
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN)	48.700.000.000	1.797.007.726	48.700.000.000	1.458.118.508
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	11.196.028.936	23.500.000.000	11.946.913.304
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	-	16.764.968.199	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO (**)	12.500.000.000	2.987.477.600	12.500.000.000	2.987.477.599
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn (**)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (PVC2) (**)	2.795.000.000	-	2.795.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (PVC4) (**)	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	-	-	10.200.000.000	10.200.000.000
Tổng cộng	3.028.072.949.650	1.441.202.848.594	3.027.055.389.650	1.472.673.842.063

(*) Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) với số tiền khoảng 157 tỷ VND dựa trên thông tin báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm toán của PVC-Land được lập trên giả định hoạt động liên tục.

Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC-Land cung cấp, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 314,8 tỷ VND; lỗ lũy kế của PVC-Land là khoảng 194,4 tỷ VND; một số khách hàng mua căn hộ tại Dự án chung cư Petrovietnam Landmark do PVC-Land làm chủ đầu tư đã tiến hành khởi kiện PVC-Land vì chậm bàn giao căn hộ. Ngày 24 tháng 02 năm 2017, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 52/2017/QĐ-MTTPS quyết định mở thủ tục phá sản đối với PVC-Land. Ngày 30 tháng 3 năm 2017, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 04/2017/QĐPT-MTTPS quyết định hủy Quyết định số 52/2017/QĐ-MTTPS. Các dấu hiệu trên cho thấy giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của PVC-Land. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư vào PVC-Land từ vấn đề nêu trên. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến sự kiện trên.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có các khoản đầu tư vào các công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4, với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lần lượt là khoảng 20,8 tỷ VND và khoảng 3 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nêu trên. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
Công ty Công nghiệp Daelim	1.322.246.297.672	1.322.246.297.672	1.926.217.551.948	1.926.217.551.948
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.062.581.917	177.062.581.917	177.062.581.917	177.062.581.917
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	211.433.784.998	211.433.784.998	104.261.899.153	104.261.899.153
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	462.201.428.023	462.201.428.023	-	-
Tập đoàn Sojitz	142.087.160.592	142.087.160.592	132.816.313.904	132.816.313.904
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	109.460.995.366	109.460.995.366	102.421.562.484	102.421.562.484
Các đối tượng khác	743.934.456.643	743.934.456.643	774.514.102.872	774.514.102.872
	3.168.426.705.211	3.168.426.705.211	3.217.294.012.278	3.217.294.012.278
<i>Trong đó:</i>				
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	756.015.115.843		601.436.216.972	

23. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	410.874.564.689	410.874.564.689	63.245.144.302	63.245.144.302
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899	82.778.475.899	82.778.475.899
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	90.762.332.303	90.762.332.303	2.225.124.854.959	2.225.124.854.959
Các đối tượng khác	75.327.690.222	75.327.690.222	43.832.528.590	43.832.528.590
	659.743.063.113	659.743.063.113	2.414.981.003.750	2.414.981.003.750
<i>Trong đó:</i>				
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	191.999.244.226		2.329.869.034.451	

24. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phát sinh trong năm			
	Số đầu năm	Số phải thu/ phải nộp	Số đã thu/đã nộp/bù trừ	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	1.030.909	-	1.030.909
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	397.430	-	397.430
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	21.256.556.285
Thuế xuất nhập khẩu	-	19.254.703	-	19.254.703
Các loại thuế khác	783.720	3.304.488	-	4.088.208
	21.257.340.005	23.987.530	-	21.281.327.535
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	74.434.217	74.546.728.554	74.443.816.774	177.345.997
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	430.516.042.770	430.516.042.770	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	70.791.828.123	70.791.828.123	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.206.394.536	3.791.439.304	4.182.502.055	1.815.331.785
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	177.575.538	177.575.538	-
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	17.299.019.441	17.299.019.441	-
Thuế môn bài	-	51.755.522	51.755.522	-
Các loại thuế khác	-	1.087.635.062	1.087.635.062	-
	2.280.828.753	598.262.024.314	598.550.175.285	1.992.677.782

25. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	318.392.344.388	372.826.343.740
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	314.102.496.644	368.248.077.175
Chi phí phải trả khác	4.289.847.744	4.578.266.565
b) Dài hạn	72.178.785.046	73.220.620.500
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	72.178.785.046	73.220.620.500
	<u>390.571.129.434</u>	<u>446.046.964.240</u>

26. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	137.942.779.491	237.855.091.994
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) (i)	95.877.090.099	86.167.577.950
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (ii)	54.098.464.510	54.038.464.510
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long (iii)	5.533.782.157	5.533.782.157
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	37.798.346.074	43.831.216.233
	<u>331.250.462.331</u>	<u>427.426.132.844</u>

(i) Khoản phải trả OceanBank thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 9) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 28.

(ii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

(iii) Phản ánh lãi vay dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long.

27. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND			Giá trị VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn	62.690.493.515	62.690.493.515	48.117.616.323	49.234.367.523	61.573.742.315	61.573.742.315
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (i)	40.700.000.000	40.700.000.000	-	-	40.700.000.000	40.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (ii)	21.990.493.515	21.990.493.515	48.117.616.323	49.234.367.523	20.873.742.315	20.873.742.315
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 28)	-	-	955.033.981.983	-	955.033.981.983	955.033.981.983
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	-	-	955.033.981.983	-	955.033.981.983	955.033.981.983
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 28)	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700
- Công ty cho thuê Tài chính Vietcombank	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700
	65.847.195.215	65.847.195.215	1.006.308.300.006	52.391.069.223	1.019.764.425.998	1.019.764.425.998

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa SHB - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 17%/năm và 17,5%/năm, các khoản vay này đã quá hạn từ tháng 10 năm 2012 và chịu lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn.

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, ngày 06 tháng 4 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) thực hiện khấu trừ số tiền 46.233.778.156 VND từ tài khoản tiền gửi 50 tỷ VND của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi số 28022013/HDTG/SHB-PVC ngày 28 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty và SHB - Chi nhánh Hà Nội để thu hồi khoản vay đã quá hạn nêu trên của Tổng Công ty (trong đó dư nợ gốc là 40.700.000.000 VND, lãi quá hạn và phí phạt quá hạn là 5.533.778.156 VND). Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Do đó, Tổng Công ty chưa giảm số dư nợ vay và lãi vay dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền hạch toán lần lượt là 40.700.000.000 VND và 5.533.778.156 VND (trình bày tại Thuyết minh số 26). Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2016/2084729/HĐTD ngày 27 tháng 9 năm 2016 giữa BIDV - Chi nhánh Hà Tây với Tổng Công ty. Hạn mức của hợp đồng vay này là 1.400 tỷ VND bao gồm dư nợ, dư bảo lãnh và dư mở L/C gồm cả VND, ngoại tệ quy đổi, trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn là 200 tỷ VND, hạn mức bảo lãnh thông thường là 1.200 tỷ VND (số dư bảo lãnh có thể tăng lên tối đa 1.400 tỷ VND khi không sử dụng hết hạn mức cho vay, tuy nhiên tổng dư bảo lãnh và dư nợ tại mọi thời điểm không vượt quá 1.400 tỷ VND). Tài sản đảm bảo được hai bên thống nhất theo từng kế ước vay. Lãi suất khoản vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2017.

28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND				VND
Vay dài hạn						
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	955.033.981.983	955.033.981.983	-	-	955.033.981.983	955.033.981.983
Nợ thuê tài chính dài hạn						
- Công ty cho thuê Tài chính Vietcombank	8.785.984.903	8.785.984.903	-	3.156.701.700	5.629.283.203	5.629.283.203
	963.819.966.886	963.819.966.886	-	3.156.701.700	960.663.265.186	960.663.265.186
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	3.156.701.700				958.190.683.683	
Số phải trả sau 12 tháng	960.663.265.186				2.472.581.503	

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	955.033.981.983	-
Trong năm thứ hai	-	955.033.981.983
	955.033.981.983	955.033.981.983
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	955.033.981.983	-
Số phải trả sau 12 tháng	-	955.033.981.983

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	3.156.701.700	3.156.701.700
Trong năm thứ hai	1.903.784.708	4.409.598.708
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	568.796.795	1.219.684.495
	5.629.283.203	8.785.984.903
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	3.156.701.700	3.156.701.700
Số phải trả sau 12 tháng	2.472.581.503	5.629.283.203

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	(Lỗ) lũy kế	Công
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.162.943.749.287)	914.513.533.447
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	136.678.608.688	136.678.608.688
Số dư đầu năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.026.265.140.599)	1.051.192.142.135
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	138.759.328.970	138.759.328.970
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(2.887.505.811.629)	1.189.951.471.105

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 9 năm 2015, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47	2.178.733.330.000	54,47
Các cổ đông khác	1.821.266.670.000	45,53	1.821.266.670.000	45,53
	4.000.000.000.000	100	4.000.000.000.000	100

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	10.247.778	26.543.260
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	9.716.217.233	9.716.217.233

31. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động xây lắp	7.025.153.894.935	8.886.788.441.782
Doanh thu bán hàng	4.246.495.784	26.223.270.979
Kinh doanh nhà và hạ tầng	-	21.565.110.030
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.004.531.086	15.509.199.512
	7.045.404.921.805	8.950.086.022.303
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	-	(216.946.739)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.045.404.921.805	8.949.869.075.564

32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	6.969.974.332.236	8.610.710.308.423
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.137.719.299	27.556.542.861
Kinh doanh nhà và hạ tầng	-	21.339.846.393
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.247.266.231	14.327.358.517
	6.989.359.317.766	8.673.934.056.194

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi	12.741.001.306	9.453.286.435
Lãi chuyển nhượng cổ phần	-	800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.551.214.900	50.328.929.300
Lãi chênh lệch tỷ giá	31.805.052.937	63.628.713.269
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	24.239.042
	51.097.269.143	124.235.168.046

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	6.681.156.015	6.399.836.136
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(66.329.390.469)	2.211.749.237
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	36.558.440.000	26.476.292.800
Lỗ chênh lệch tỷ giá	63.363.209.983	30.750.056.169
(Hoàn nhập) thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	(99.912.312.503)	(175.100.109.426)
Chi phí tài chính khác	1.641.470.143	2.020.044.310
	(57.997.426.831)	(107.242.130.774)

- (1) Như trình bày tại Thuyết minh số 39, trong năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện rà soát các thư bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng và đánh giá 01 thư bảo lãnh đã có sự thay đổi nghĩa vụ bảo lãnh. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của thư bảo lãnh này với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND.

35. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lương	113.366.547.968	105.814.868.988
Chi phí vật liệu quản lý	1.635.759.228	1.531.676.692
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.631.698.235	1.875.074.647
Chi phí khấu hao	3.727.199.080	5.137.282.186
Thuế, phí, lệ phí	1.580.568.004	925.376.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.002.224.853	23.724.763.782
Chi phí dự phòng	(143.790.485.109)	223.300.177.815
Chi phí khác bằng tiền	23.770.223.515	27.220.765.512
	27.923.735.774	389.529.986.193

36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.182.642.769.437	8.644.755.049.248
Chi phí nhân công	152.547.601.769	158.389.574.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.257.351.678	10.017.136.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.673.260.082.593	1.192.597.950.667
Chi phí dự phòng	(143.265.035.913)	222.120.716.601
Chi phí khác bằng tiền	23.770.223.515	27.220.765.512
	5.899.212.993.079	10.255.101.192.164

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	137.072.178.711	135.513.155.064
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	(106.463.527.403)	(242.966.435.664)
- Hoàn nhập tiền phạt dự án 69 Nguyễn Du	-	(17.537.396.938)
- Hoàn nhập dự phòng bảo lãnh	(99.912.312.503)	(175.100.109.426)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.551.214.900)	(50.328.929.300)
Cộng:	6.501.910.357	7.651.648.084
- Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang	5.827.268.119	5.827.268.112
- Chi phí không được khấu trừ	674.642.238	1.824.379.972
Thu nhập chịu thuế	37.110.561.665	(99.801.632.516)
Lỗi mang sang	(37.110.561.665)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước	177.575.538	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	177.575.538	-

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Dầu khí (PVE)	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCComBank)	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Công ty con
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (PVC-Đồng Đô)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Công ty liên kết

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu	6.508.472.779.219	8.206.177.814.114
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	6.409.235.686.404	7.619.122.533.980
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau	75.755.395.762	199.638.097.298
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	10.991.352.072	110.218.799.603
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	3.525.560.935	6.494.287.934
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	2.368.259.909	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.572.848.682	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.265.465.913	21.075.009.068
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1.249.003.036	748.708.738
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.136.415.633	1.361.482.244
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	547.256.937	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	150.655.415	1.581.266.615
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	135.505.259	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	39.373.262	-
Viện Dầu khí Việt Nam	-	167.977.495.051
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	-	2.659.468.397
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	-	73.863.452.375
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	1.437.212.811
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mua hàng	737.507.731.120	625.162.804.789
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	243.065.757.313	492.010.475.889
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	237.615.242.591	155.214.020.622
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	217.409.667.466	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	140.407.471.940	271.750.817.931
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	37.835.349.720	58.353.732.080
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	28.150.695.930	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	22.081.171.545	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	17.296.293.173	45.663.186.508
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	11.627.868.681	3.271.333.906
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	10.535.398.881	88.886.222.473
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.369.819.809	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	4.642.146.377	1.722.891.207
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	1.536.605.007	-
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	-	300.600.062
Cố tức được nhận trong năm	9.776.214.900	50.328.929.300
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9.175.359.900	33.133.244.300
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	15.300.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản dầu khí	600.855.000	395.685.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	-	1.500.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	6.757.245.558	7.322.505.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	378.022.350.728	346.278.263.269
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	27.233.107.690	27.233.107.690
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	93.820.679.496	93.745.194.564
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	86.719.910.935	87.423.358.457
Viện Dầu khí Việt Nam	49.835.403.218	-
Ban Quản lý Dự án Cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau	30.293.284.236	987.236
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	26.804.068.806	29.874.704.215
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	22.954.922.130	22.953.353.130
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.446.793.928	9.446.793.928
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	7.465.459.814	6.993.959.814
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	6.097.621.800
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.546.942.139	5.546.942.139
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3.698.220.476	3.698.220.476
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	2.437.493.928	14.604.529.042
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.000.000.002	2.000.000.002
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	1.004.933.419	1.502.275.671
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.433.134.455	12.375.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.086.216.356	5.100.960.838
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	71.500.000	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	70.349.400	1.070.333.328
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.308.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	-	88.473.000
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau	-	28.885.072.939
Phải thu khác	176.164.804.399	240.703.297.853
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	43.423.560.320	42.451.575.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	29.477.803.237	43.986.190.153
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	23.260.532.513	21.227.199.179
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	23.972.151.850
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	16.873.946.500	21.714.242.426
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	15.704.792.955	16.204.792.955
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	7.823.660.838	41.548.634.340
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	6.840.056.555
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	5.360.238.712
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.008.154.052	2.008.154.052
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	1.946.331.244	1.828.999.031
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	788.233.543	-
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	486.494.897	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	51.585.369	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	11.034.559	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	61.063.200

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán	593.170.210.455	324.533.720.891
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.941.703.158	113.089.334.990
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	95.918.815.239	3.485.390.491
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	88.776.819.553	88.393.173.633
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	80.870.842.350	4.373.377.519
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	58.650.060.129	11.111.827.917
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	46.512.305.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	37.133.989.664	37.298.173.399
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	29.334.757.349	43.274.545.062
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	17.338.948.678	1.024.943.400
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	13.597.949.330	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.263.563.283	13.430.927.135
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.900.781.522	3.210.851.474
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	-	947.175.792
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	194.000.078
Người mua trả tiền trước	191.999.244.226	2.329.869.034.451
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	7.918.751.144	7.918.751.144
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	5.456.975.849	5.456.975.849
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	4.795.814.624	4.795.814.624
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	169.639.222	169.639.222
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	117.255.185	2.797.950.955
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	90.762.332.303	2.225.124.854.959
Viện Dầu khí Việt Nam	-	826.571.799
Các khoản cho vay ngắn hạn	463.124.018.658	28.835.361.369
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	179.912.859.769	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	60.587.520.000	28.835.361.369
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	22.623.638.889	-
Các khoản cho vay dài hạn	-	463.124.018.658
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	179.912.859.769
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	60.587.520.000

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả người bán	756.015.115.843	601.436.216.972
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	211.433.784.998	104.261.899.153
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.062.581.917	177.062.581.917
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	109.460.995.366	102.421.562.484
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	94.436.777.545	68.835.238.630
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	56.974.777.229	57.052.777.229
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	36.442.441.009	2.510.406.030
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	19.031.307.373	16.467.763.295
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	14.926.735.258	17.421.403.045
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	10.012.853.448	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	7.971.493.776	21.838.639.716
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	7.263.312.671	20.856.195.934
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5.651.621.072	3.392.727.861
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	4.223.800.294	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	935.326.068	4.896.025.676
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	187.307.819	1.713.136.364
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	718.508.036
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên Hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	-	1.987.351.601
Phải trả khác	59.177.617.470	59.368.633.962
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	54.038.464.510	54.038.464.510
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	3.006.898.799	3.006.898.799
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	1.540.991.936	2.323.270.653
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	556.667.784	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	20.283.417	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	12.226.800	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	2.084.224	-

39. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhân bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh	Dư nợ vay quá hạn	Dư phòng nghĩa vụ
			cuối năm	cuối năm	nợ phải trả cuối năm
			VND	VND	VND
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
PVC-SG (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	-
			237.855.091.994	237.855.091.994	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã đến hạn và quá hạn tính theo thời hạn thư bảo lãnh là khoảng 238 tỷ VND.

Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 10).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

(*) Nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi với các lý do cụ thể như sau:

- Ngày 18 tháng 8 năm 2016, PVC-SG gửi Công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với Oceanbank. Theo đó, ngày 10 tháng 8 năm 2016, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC-SG công văn số 784/2016/CV-CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC-SG. Tại công văn này, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC-SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC-SG bán hàng/bán tài sản để tạo nguồn trả nợ cho Oceanbank và PVC-SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND) chậm nhất ngày 30 tháng 9 năm 2019. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá điều này đồng nghĩa với việc dư nợ gốc vay đã được cơ cấu lại và gia hạn trả nợ. Điều kiện để thực hiện phương án trả nợ là: (i) PVC-SG cung cấp đầy đủ các văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phê duyệt phương án tiếp tục triển khai Dự án Vị Thanh để trả nợ cho Oceanbank; (ii) đơn vị thi công và đơn vị bán hàng mở tài khoản thanh toán tại Oceanbank; (iii) toàn bộ doanh thu bán hàng, bán tài sản phải chuyển về tài khoản chuyên dụng mở tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn, PVC-SG đồng ý cho Oceanbank được quyền trích tiền từ tài khoản chuyên dụng để thu nợ; (iv) PVC-SG ký văn bản thỏa thuận về phương thức xử lý tài sản đảm bảo theo yêu cầu của Oceanbank. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, PVC-SG đã trả được 5,5 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc; đồng thời PVC-SG thực hiện rất tốt phương án mà Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Mặt khác, PVC-SG và Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đang hợp tác rất chặt chẽ với nhau để tạo dòng tiền trả nợ cho ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là thông tin mới và rất quan trọng, thể hiện sự cố gắng của các bên trong quá trình giải quyết khoản nợ vay này.

- PVC-SG cũng đã có tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Oceanbank – Chi nhánh Sài Gòn là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là một phần tài sản hình thành trong tương lai tại Dự án Vị Thanh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0068/HĐTC/OCEANBANK03 ngày 30 tháng 8 năm 2012 ký giữa PVC-SG và Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn.

- Tổng Công ty đã nhận được Thư tư vấn số 549 lw.ndv/ntn/01-01 ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Công ty Tư vấn Luật Bizconsult với kết luận như sau: (i) nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty theo thư bảo lãnh và thư gia hạn bảo lãnh cho PVC-SG đã chấm dứt hiệu lực kể từ sau ngày 30 tháng 8 năm 2012; (ii) không có đủ cơ sở pháp lý để yêu cầu Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo văn bản yêu cầu ngày 24 tháng 5 năm 2012 của Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn và đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thư gia hạn bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thông tin này cùng với việc khoản vay của PVC-SG được gia hạn có thể khẳng định rằng Tổng Công ty chưa xuất hiện nghĩa vụ nợ ở thời điểm hiện tại.

- Việc trích lập một khoản dự phòng phát sinh từ một nghĩa vụ liên đới liên quan đến bảo lãnh vay vốn chưa có chuẩn mực kế toán quy định rõ ràng. Do đó, Tổng Công ty đang: (i) vận dụng nguyên tắc thận trọng trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung để thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản bảo lãnh, theo đó, nguyên tắc thận trọng đòi hỏi "phải lập các khoản dự phòng nhưng không được lập quá lớn" và (ii) áp dụng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính quy định "nghiêm cấm doanh nghiệp lợi dụng việc trích lập dự phòng để tính thêm vào chi phí các khoản dự phòng không có đủ căn cứ nhằm làm giảm nghĩa vụ nộp ngân sách". Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đã trích lập khoảng 137,9 tỷ VND/237,8 tỷ VND dư nợ bảo lãnh quá hạn (chiếm 57,98%), theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản dự phòng này là hợp lý và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Mặt khác, trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán, khoản dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG vay vốn tại Oceanbank – Chi nhánh Sài Gòn đã được Tổng Công ty hoàn nhập 100% giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (với số tiền khoảng 50 tỷ VND) và ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính riêng này là ý kiến chấp nhận toàn phần được thể hiện cụ thể tại Báo cáo kiểm toán số 976/VN1A-HN-BC ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Trên các cơ sở các lý do và nội dung đã trình bày ở trên, Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá đồng ý việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính (trình bày tại Thuyết minh số 34).

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL.TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP nên nghĩa vụ phải trả của Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh này sẽ chưa phát sinh, vì vậy, Tổng Công ty chưa phải thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề này trên báo cáo tài chính riêng năm 2016 của Tổng Công ty.

40. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc "Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc", tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 07 tháng 01 năm 2015, PVN đã có Công văn số 091/DKVN-HĐTV gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Ngày 16 tháng 12 năm 2015, Bộ Công thương đã có Báo cáo số 12839/BCT-TCNL báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thẩm định tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 của Dự án. Ngày 25 tháng 01 năm 2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Quyết định số 573/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng dự toán điều chỉnh lần 2 của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chưa phê duyệt Dự toán gói thầu EPC điều chỉnh và Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình đàm phán với chủ đầu tư để ký kết phụ lục hợp đồng EPC. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị hợp đồng EPC công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được điều chỉnh trong tương lai sẽ cao hơn giá trị hợp đồng Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ. Tổng Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản lãi/lỗ nào tại công trình này, doanh thu tại công trình này được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

b) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên, do đó, chưa có cơ sở để điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ các kết luận này của Thanh tra Chính phủ.

c) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty

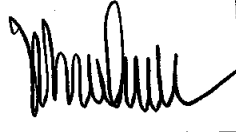
Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016-2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (sẽ được thành lập trên cơ sở sắp xếp, thu gọn đầu mối tại 04 đơn vị thành viên nòng cốt: Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS).

Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và thanh lý hết chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020.



Vũ Thị Châm
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 4 năm 2017



Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



Bùi Tiến Thành
Phó Tổng Giám đốc

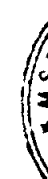
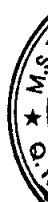
Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 55

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Thăng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Minh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Minh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (tạm đình chỉ công tác từ ngày 21 tháng 9 năm 2016)
Ông Trần Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Tiên Thành

Phó Tổng Giám đốc

(Giấy ủy quyền số 807/UQ-XLKD
ngày 15 tháng 3 năm 2017)

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Số: 887 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 10 tháng 4 năm 2017, từ trang 6 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2016 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land - Công ty con của Tổng Công ty) được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với tổng tài sản là khoảng 576,5 tỷ VND, nợ phải trả là khoảng 519,1 tỷ VND, tổng lỗ kế toán trước thuế là khoảng 4,5 tỷ VND. Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC-Land cung cấp, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 314,8 tỷ VND, lỗ lũy kế của PVC-Land là khoảng 194,4 tỷ VND và các vấn đề khác ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của PVC-Land. Giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của PVC-Land. Tổng Công ty chưa đánh giá được ảnh hưởng của giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland - Công ty con của Tổng Công ty) đã ghi nhận nghiệp vụ thoái toàn bộ cổ phần của Petroland tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (Thăng Long) cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh trong năm 2016, trong khi cơ sở để ghi nhận nghiệp vụ này là chưa phù hợp theo quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Nếu Petroland không ghi nhận nghiệp vụ thoái toàn bộ cổ phần của Petroland tại Thăng Long theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, thì Petroland sẽ phải hợp nhất báo cáo tài chính của Thăng Long trên báo cáo tài chính hợp nhất của Petroland. Theo báo cáo của Petroland cung cấp, nếu Petroland thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Thăng Long theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trước khi Tổng Công ty hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất của Petroland thì trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty, các chỉ tiêu "Tổng tài sản", "Nợ phải trả" và "Vốn chủ sở hữu" sẽ giảm với số tiền lần lượt là khoảng 95,5 tỷ VND, 44 tỷ VND và 51,5 tỷ VND. Đồng thời, chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính" và "Chi phí tài chính" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty sẽ giảm và tăng lần lượt tương ứng khoảng 50,9 tỷ VND và 2,6 tỷ VND.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại 01 tổ chức tín dụng có sự thay đổi trên cơ sở Tổng Công ty đánh giá PVC-SG đã có phương án trả nợ và tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay tại tổ chức tín dụng cũng như Tổng Công ty xác định rằng tổ chức tín dụng này đã gia hạn thời gian trả nợ cho khoản vay của PVC-SG. Do đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với PVC-SG và tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá cơ sở cho việc hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ lũy kế hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 2.970 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: lỗ lũy kế khoảng 3.028 tỷ VND), dư nợ vay ngân hàng quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 299 tỷ VND và các vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

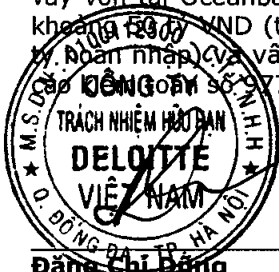
Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 9 và Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có một số khoản cho vay và bảo lãnh cho một số công ty với số tiền lần lượt khoảng 504 tỷ VND và khoảng 238 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh, cho vay và các tổ chức tín dụng để thu hồi các khoản cho vay, giải tỏa thư bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 43 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc và bổ sung các thủ tục theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được phê duyệt chuyển nhượng Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang, cũng như được phê duyệt các giá trị phát sinh chưa lường hết của các công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 43 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị và Thông báo số 3130/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đánh giá ảnh hưởng của các kết luận nêu trên của Thanh tra Chính phủ đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ các kết luận này của Thanh tra Chính phủ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được chúng tôi kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần và một số vấn đề cần nhấn mạnh, khoản dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG vay vốn tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã được Tổng Công ty hoàn nhập toàn bộ với số tiền khoảng 500 tỷ VND (trong tổng số tiền thuận 46 tỷ VND dự phòng nghĩa vụ bảo lãnh được Tổng Công ty hoàn nhập) và vấn đề hoàn nhập này được đề cập trong đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" trên Báo cáo kiểm toán số 977/VN1A-HN-BC ngày 30 tháng 3 năm 2015.



Đặng Chí Đông

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.328.209.630.823	9.434.377.787.805
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.322.734.652.189	873.243.970.647
1. Tiền	111		691.965.065.580	537.599.518.674
2. Các khoản tương đương tiền	112		630.769.586.609	335.644.451.973
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	102.679.389.636	119.608.041.024
1. Chứng khoán kinh doanh	121		159.948.845.000	209.148.845.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(124.185.515.000)	(161.157.292.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		66.916.059.636	71.616.488.024
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.977.587.956.388	3.522.632.821.353
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.886.786.949.939	2.021.522.980.637
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.004.660.980.659	1.146.863.194.536
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		46.228.857.416	71.964.625.337
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	538.767.630.118	114.511.169.735
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	682.285.439.123	1.231.709.689.681
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.184.051.396.052)	(1.067.146.222.845)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.909.495.185	3.207.384.272
IV. Hàng tồn kho	140	12	4.766.306.354.670	4.615.298.588.571
1. Hàng tồn kho	141		4.827.058.732.376	4.679.181.202.237
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(60.752.377.706)	(63.882.613.666)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		158.901.277.940	303.594.366.210
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	14.773.671.333	8.963.344.557
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		84.163.572.126	236.503.243.622
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	25	33.710.638.981	31.874.382.531
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		26.253.395.500	26.253.395.500

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.637.504.952.763	5.428.390.801.984
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		308.185.539.729	524.578.812.568
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	101.875.219.012	103.312.273.041
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	24.033.001.805	44.515.828.147
3. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	-	504.156.498.658
4. Phải thu dài hạn khác	216	10	182.277.318.912	170.806.076.918
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	-	(298.211.864.196)
II. Tài sản cố định	220		1.717.350.616.198	1.723.291.709.360
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.280.595.928.318	1.258.947.328.127
- Nguyên giá	222		1.891.764.240.658	1.764.780.770.062
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(611.168.312.340)	(505.833.441.935)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	15	41.190.085.739	73.917.068.600
- Nguyên giá	225		61.697.903.279	100.322.019.627
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(20.507.817.540)	(26.404.951.027)
3. Tài sản cố định vô hình	227	16	395.564.602.141	390.427.312.633
- Nguyên giá	228		417.487.731.902	409.799.134.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.923.129.761)	(19.371.822.127)
III. Bất động sản đầu tư	230	17	141.271.968.485	129.453.972.591
- Nguyên giá	231		153.023.623.847	138.480.144.673
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.751.655.362)	(9.026.172.082)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	18	821.303.668.209	2.277.400.817.870
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		26.886.776.699	1.309.326.278.213
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		794.416.891.510	968.074.539.657
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		173.635.643.008	187.731.751.702
1. Đầu tư vào công ty con	251	19	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	20	115.920.818.601	130.800.017.376
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	21	220.077.968.199	231.084.388.437
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(162.363.143.792)	(174.152.654.111)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		475.757.517.134	585.933.737.893
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	232.385.810.198	279.679.515.301
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		41.639.572.694	41.382.083.257
3. Tài sản dài hạn khác	268		182.950.943.385	239.950.943.385
4. Lợi thế thương mại	269	22	18.781.190.857	24.921.195.950
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		12.965.714.583.586	14.862.768.589.789

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

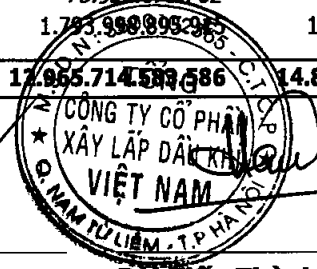
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.977.294.349.621	11.997.307.093.754
I. Nợ ngắn hạn	310		9.247.392.579.327	10.010.553.839.401
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	23	3.560.247.554.900	3.876.782.259.240
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	24	1.619.940.706.320	3.108.420.429.237
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25	67.993.541.863	69.951.979.199
4. Phải trả người lao động	314		197.907.930.723	215.351.372.433
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	26	758.829.785.584	855.518.702.140
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.133.789.762	702.418.604
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	27	854.957.677.396	681.548.864.536
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28	2.143.915.469.003	1.175.380.300.900
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		22.264.561.839	17.258.004.027
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.201.561.937	9.639.509.085
II. Nợ dài hạn	330		729.901.770.294	1.986.753.254.353
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	24	25.746.739.422	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	26	143.012.483.345	144.545.262.234
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		82.881.654.494	202.976.116.345
4. Phải trả dài hạn khác	337	27	26.698.001.467	88.091.240.776
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29	413.785.724.965	1.512.377.219.267
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5.512.212.522	7.376.938.319
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342		32.264.954.079	31.386.477.412
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.988.420.233.965	2.865.461.496.035
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.988.420.233.965	2.865.461.496.035
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	30	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	30	6.831.719.482	6.831.719.482
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	30	3.063.276.244	3.063.276.244
4. Cổ phiếu quỹ	415	30	(2.862.805.993)	(2.862.805.993)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	30	155.271.048.744	142.499.602.785
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	30	2.162.412.232	2.162.412.232
7. (Lỗ) lũy kế	421	30	(2.970.044.312.659)	(3.028.008.205.855)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.045.966.986.421)	(3.051.994.470.942)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		75.922.673.762	23.986.265.087
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.793.399.999.965	1.741.775.497.140
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		17.865.714.589.586	14.862.768.589.789



Nguyễn Thị Thu Anh
 Người lập biểu
 Ngày 10 tháng 4 năm 2017



Lưu Đức Hoàng
 Kế toán trưởng



Bùi Tiến Thành
 Phó Tổng Giám đốc


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	9.209.868.604.305	11.843.363.824.425
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	57.942.803.872	7.067.766.989
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	33	9.151.925.800.433	11.836.296.057.436
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	34	8.801.260.690.751	11.088.185.760.069
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		350.665.109.682	748.110.297.367
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	114.718.313.393	90.221.137.086
7. Chi phí tài chính	22	36	99.998.848.722	34.987.210.487
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		147.193.219.648	136.740.804.866
8. (Lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết	24		(26.096.758.775)	(31.355.467.203)
9. Chi phí bán hàng	25		9.383.437.277	23.733.489.545
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	223.367.351.172	677.839.033.566
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		106.537.027.129	70.416.233.652
12. Thu nhập khác	31		58.370.904.307	71.403.600.073
13. Chi phí khác	32		51.207.585.604	53.295.937.287
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.163.318.703	18.107.662.786
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		113.700.345.832	88.523.896.438
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	39	24.100.361.736	58.269.570.143
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.122.215.234)	7.562.894.497
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		91.722.199.330	22.691.431.798
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		75.922.673.762	23.986.265.087
20. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		15.799.525.568	(1.294.833.289)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40		49


Nguyễn Thị Thu Anh
 Người lập biểu


Lưu Đức Hoàng
 Kế toán trưởng


Bùi Tiên Thành
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	113.700.345.832	88.523.896.438
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	118.423.144.220	116.383.131.565
Các khoản dự phòng	03	(233.198.214.268)	339.242.466.389
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	18.306.860.263	(3.482.602.996)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(22.385.833.038)	(3.582.610.746)
Chi phí lãi vay	06	147.193.219.648	136.740.804.866
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	142.039.522.657	673.825.085.516
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.020.785.358.780	482.566.555.393
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.100.003.586.301	(802.006.105.667)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.660.287.004.501)	(1.365.983.078.137)
Thay đổi chi phí trả trước	12	37.808.145.135	44.319.839.699
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	49.200.000.000	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(104.097.262.765)	(122.099.668.121)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(37.194.248.105)	(46.653.079.024)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	19.606.727.425	78.721.848
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(17.080.678.593)	(18.862.823.752)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	550.784.146.334	(1.154.814.552.245)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(119.989.381.277)	(106.031.113.207)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	76.355.878.204	47.407.155.116
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(15.780.140.256)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	44.535.361.369	-
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	51.965.534.169	152.521.794.597
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41.400.181.965	22.374.367.116
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	94.267.574.430	100.492.063.366

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHI TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	26.158.617.975
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.906.859.237.853	1.820.285.026.538
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.053.958.691.976)	(1.618.257.606.467)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(16.719.648.776)	(26.746.124.952)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36	(34.766.264.100)	(41.620.298.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(198.585.366.999)	159.819.614.894
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	446.466.353.765	(894.502.873.985)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	873.243.970.647	1.765.815.383.424
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.024.327.777	1.931.461.208
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.322.734.652.189	873.243.970.647

Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



Bùi Tiến Thành
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 9 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.150 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4.350 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2,
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch,
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam,
- Ban điều hành dự án nhà máy sợi tổng hợp Polyester,
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ, và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc,

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 09 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 19 và 12 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 20.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát (công ty con). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tình hình tài chính của Công ty mẹ và một số công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô, Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam) có dấu hiệu dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục do các công ty này có công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn, lỗ lũy kế hoặc/và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh bị âm hoặc đang bị kiện (Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam - xem Thuyết minh số 4). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 2.970 tỷ VND và dư nợ vay ngân hàng quá hạn là khoảng 299 tỷ VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2017 và các năm tiếp theo, cũng như sẽ nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và quyết định lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tổng Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ các sự kiện không chắc chắn này.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lập Dầu khí Việt Nam (PVC-Land - Công ty con của Tổng Công ty)

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm toán của PVC-Land được lập trên giả định hoạt động liên tục. Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC-Land cung cấp, nợ phải trả ngắn hạn của PVC-Land vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 314,8 tỷ VND, lỗ lũy kế của PVC-Land là khoảng 194,4 tỷ VND, một số khách hàng mua căn hộ tại Dự án chung cư Petrovietnam Landmark do PVC-Land làm chủ đầu tư đã tiến hành khởi kiện PVC-Land vì chậm bàn giao căn hộ. Ngày 24 tháng 02 năm 2017, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 52/2017/QĐ-MTTTPS quyết định mở thủ tục phá sản đối với PVC-Land. Ngày 30 tháng 3 năm 2017, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 04/2017/QĐPT-MTTTPS quyết định hủy Quyết định số 52/2017/QĐ-MTTTPS. Các dấu hiệu trên cho thấy giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của PVC-Land. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định hợp nhất báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm toán của PVC-Land, với tổng tài sản là khoảng 576,5 tỷ VND, nợ phải trả là khoảng 519,1 tỷ VND, tổng lỗ kế toán trước thuế là khoảng 4,5 tỷ VND và tin tưởng rằng các điều chỉnh (nếu có) sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến sự kiện này.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland - Công ty con của Tổng Công ty)

Trong năm 2016, Petroland ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Petroland tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (Thăng Long - Công ty con của Petroland) cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh (Đất Xanh). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các thủ tục chuyển nhượng cổ phần chưa hoàn thành, tuy nhiên, Petroland đã xác định Thăng Long không còn là công ty con của Petroland tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Thăng Long vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Petroland.

Theo báo cáo của Petroland cung cấp, nếu Petroland không ghi nhận nghiệp vụ thoái toàn bộ cổ phần của Petroland tại Thăng Long, thì Petroland sẽ phải hợp nhất báo cáo tài chính của Thăng Long trên báo cáo tài chính hợp nhất của Petroland, theo đó, mục "Tổng tài sản", "Nợ phải trả", và "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm lần lượt khoảng 95,5 tỷ VND, 44 tỷ VND, và 51,5 tỷ VND. Đồng thời, chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính" và "Chi phí tài chính" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Petroland sẽ giảm và tăng lần lượt tương ứng là 50,8 tỷ VND và 2,6 tỷ VND.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất (chưa bao gồm hợp nhất báo cáo tài chính của Thăng Long) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Petroland và tin tưởng rằng các điều chỉnh (nếu có) sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến sự kiện này.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày hợp nhất như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 48
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản khác	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 25 năm đến 38 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng, chi phí phân bổ giàn giáo cốt pha, lợi thế kinh doanh, chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giàn giáo cốt pha được trình bày theo nguyên giá trừ đi phần giá trị đã phân bổ lũy kế. Giàn giáo cốt pha được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6,5 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	17.882.095.861	5.290.045.614
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	674.082.969.719	532.309.473.060
Các khoản tương đương tiền (ii)	630.769.586.609	335.644.451.973
	1.322.734.652.189	873.243.970.647

- (i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm số tiền khoảng 24,6 tỷ VND gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương - "OceanBank") đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoảng 104,4 tỷ VND gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản và chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh	159.948.845.000	124.185.515.000	209.148.845.000	161.157.292.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico</i>	<i>136.068.065.000</i>	<i>109.596.055.000</i>	<i>136.068.065.000</i>	<i>101.654.452.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)</i>	<i>14.600.000.000</i>	<i>13.885.000.000</i>	<i>14.600.000.000</i>	<i>13.885.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL)</i>	-	-	<i>49.200.000.000</i>	<i>42.800.000.000</i>
<i>Khác</i>	<i>9.280.780.000</i>	<i>704.460.000</i>	<i>9.280.780.000</i>	<i>2.817.840.000</i>
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	66.916.059.636	-	71.616.488.024	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (i)</i>	<i>66.916.059.636</i>	-	<i>71.616.488.024</i>	-

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và không quá 12 tháng.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.886.786.949.939	2.021.522.980.637
Phải thu các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 41)	503.072.124.964	574.359.326.178
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh (i)	393.997.151.700	-
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	989.717.673.275	1.447.163.654.459
b) Dài hạn	101.875.219.012	103.312.273.041
Phải thu các khách hàng mua dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	101.126.029.012	92.823.471.392
Phải thu khách hàng dài hạn khác	749.190.000	10.488.801.649
	1.988.662.168.951	2.124.835.253.678

(i) Khoản phải thu liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Petroland - Công ty con của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (Công ty con của Petroland).

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.004.660.980.659	1.146.863.194.536
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	138.560.634.501	238.256.667.098
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.941.703.158	113.089.334.990
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	88.776.819.553	88.393.173.633
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC	73.763.941.244	87.033.182.375
FLSmidth Wadgassen	69.202.792.277	174.599.500.950
Các nhà cung cấp khác	525.415.089.926	445.491.335.490
b) Dài hạn	24.033.001.805	44.515.828.147
Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông	9.145.337.557	11.429.978.899
Các nhà cung cấp khác	14.887.664.248	33.085.849.248
	1.028.693.982.464	1.191.379.022.683

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	538.767.630.118	336.594.633.583	114.511.169.735	114.511.169.735
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	124.356.150.003	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	179.912.859.769	167.153.319.304	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO (i)	101.620.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	22.623.638.889	10.474.032.816	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	23.613.461.725	23.613.461.725	100.063.500.000	100.063.500.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	10.997.669.735	14.447.669.735	14.447.669.735
b) Dài hạn	-	-	504.156.498.658	298.211.864.196
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	-	-	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	-	179.912.859.769	167.153.319.304
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	-	-	101.620.000.000	5.467.156.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	-	-	22.623.638.889	1.235.238.889
	538.767.630.118	336.594.633.583	618.667.668.393	412.723.033.931

(i) Số dư phải thu về cho vay các công ty này thể hiện a) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần; và b) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 31 tháng 12 năm 2011 để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (Khách sạn Lam Kinh) vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

Theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tổng Công ty đã đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để thanh toán các khoản vay của Oceanbank nêu trên, nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

10. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
a) Ngắn hạn	682.285.439.123	1.231.709.689.681
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	139.436.204.800	149.298.051.973
- Ký cược, ký quỹ	81.639.403.257	572.325.952.884
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (i)	46.233.778.156	46.233.778.156
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	42.328.848.975	91.361.184.288
- Phải thu ngắn hạn khác	372.647.203.935	372.490.722.380
b) Dài hạn	182.277.318.912	170.806.076.918
- Ký cược, ký quỹ	122.109.983.607	78.247.448.571
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (iii)	57.000.000.000	57.000.000.000
- Phải thu dài hạn khác	3.167.335.305	35.558.628.347
	864.562.758.035	1.402.515.766.599

- (i) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ quá hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.
- (ii) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 42).
- (iii) Khoản góp vốn đầu tư hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lập Dầu khí Việt Nam (PVC-Land - Công ty con của Tổng Công ty) theo Hợp đồng hợp tác số 98/HĐHT/PVC-PVCLand ngày 31 tháng 12 năm 2010 giữa PVC-Land và Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí - PVL) về việc hợp tác triển khai dự án tại Công ty Cổ phần Nghiên cứu Dầu khí Miền Nam.

11. NỢ XẤU

Thông tin về các khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	286.989.556.168	35.700.402.512	295.343.570.527	50.745.234.938
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	221.227.199.179	90.732.738.886
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	140.897.486.584	703.859.970	155.841.990.366	18.628.629.266
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	86.425.736.552	16.445.144.693	89.875.736.552	17.541.256.428
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	76.728.422.607	-	192.048.361.058	44.766.476.746
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	63.943.147.786	-	61.611.264.659	23.030.048.513
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	69.605.577.963	2.124.802.914	69.805.734.107	3.022.782.195
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	33.038.323.852	-	25.555.543.731	909.670.604
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	42.328.848.975	-	45.477.848.975	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	37.506.687.346	-	44.672.654.196	1.250.162.580
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	30.495.439.099	100.965.000	45.198.043.065	18.383.943.809
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	27.426.673.819	-	27.426.673.819	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	23.613.461.725	-	100.063.500.000	-
Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát	-	-	40.000.000.000	12.000.000.000

12. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	68.939.115.794	421.623.000	34.767.930.975	519.790.203
Công cụ, dụng cụ	7.898.507.170	120.346.280	12.196.931.350	263.728.437
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	4.397.078.215.334	25.907.043.180	4.199.122.887.061	26.607.537.179
Thành phẩm	8.836.711.146	-	8.771.694.556	-
Hàng hoá	9.215.391	-	33.833.143	-
Hàng hoá bất động sản	344.296.967.541	34.303.365.246	424.287.925.152	36.491.557.847
	4.827.058.732.376	60.752.377.706	4.679.181.202.237	63.882.613.666

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng, chi tiết theo công trình như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (*)	2.319.013.631.372	3.350.977.952.216
Dự án chung cư PetroVietnam Landmark (**)	1.045.264.907.823	-
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	289.791.884.059	-
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	257.059.591.861	250.567.444.291
Chung cư cao cấp Mỹ Phú, thành phố Hồ Chí Minh	118.954.513.064	155.258.032.738
Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	55.526.571.357	90.938.202.698
Các công trình khác	311.467.115.798	351.381.255.118
	4.397.078.215.334	4.199.122.887.061

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 43, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của các dự án này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

(**) Dự án chung cư PetroVietnam Landmark của PVC-Land (công ty con của Tổng Công ty) dự kiến hoàn thành, bàn giao cho các khách hàng mua căn hộ trong năm 2017. Do vậy, Tổng Công ty quyết định phân loại số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án này từ dài hạn sang ngắn hạn.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.350.586.262	4.074.450.087
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.423.085.071	4.888.894.470
	14.773.671.333	8.963.344.557
b) Dài hạn		
Hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	94.683.469.032	96.775.921.380
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	53.517.431.046	66.668.132.396
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	30.813.101.958	60.569.501.294
Chi phí dịch vụ bán căn hộ qua sàn giao dịch bất động sản	41.061.565.059	41.061.565.059
Lợi thế kinh doanh	1.599.251.000	2.117.927.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.710.992.103	12.486.468.172
	232.385.810.198	279.679.515.301

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

14. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	1.235.414.371.435	297.945.798.717	190.726.437.104	39.452.291.124	1.241.871.682	1.764.780.770.062
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	41.433.350.290	-	-	-	-	41.433.350.290
Mua sắm mới	2.829.477.273	44.724.561.373	4.638.368.694	717.831.545	-	52.910.238.885
Tặng do mua lại tài sản cố định thuế tài chính	-	4.480.372.010	39.533.209.670	-	-	44.013.581.680
Thanh lý, nhượng bán	(2.236.374.000)	(4.849.452.086)	(1.748.996.687)	(520.106.926)	-	(9.354.929.699)
Tặng/(Giảm) khác	(1.865.538.293)	659.041.372	511.449.800	(81.851.757)	(1.241.871.682)	(2.018.770.560)
Số cuối năm	1.275.575.286.705	342.960.321.386	233.660.468.581	39.568.163.986	-	1.891.764.240.658

GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ

Số đầu năm	162.901.282.884	173.888.957.557	134.998.420.198	33.594.384.779	450.396.517	505.833.441.935
Trích khấu hao trong năm	52.554.098.206	25.278.004.394	20.343.608.898	2.579.806.584	7.149.840	100.762.667.922
Tặng do mua lại tài sản cố định thuế tài chính	-	1.835.102.568	15.682.141.754	-	-	17.517.244.322
Thanh lý, nhượng bán	(1.864.752.390)	(4.766.913.999)	(1.748.996.687)	(520.106.926)	-	(8.900.770.002)
Tặng/(Giảm) khác	(2.609.939.781)	(269.018.041)	(981.713.426)	273.945.768	(457.546.357)	(4.044.271.837)
Số cuối năm	210.980.688.919	195.966.132.479	168.293.460.737	35.928.030.205	-	611.168.312.340

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm	1.072.513.088.551	124.056.841.160	55.728.016.906	5.857.906.345	791.475.165	1.258.947.328.127
Tại ngày cuối năm	1.064.594.597.786	146.994.188.907	65.367.007.844	3.640.133.781	-	1.280.595.928.318

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 412,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 453,7 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là khoảng 186,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 166,1 tỷ VND).

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	42.526.031.775	57.795.987.852	100.322.019.627
Thuê tài chính trong năm	-	4.927.415.332	4.927.415.332
Giảm do mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(4.431.652.010)	(39.119.879.670)	(43.551.531.680)
Số cuối năm	38.094.379.765	23.603.523.514	61.697.903.279
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	7.221.076.790	19.183.874.237	26.404.951.027
Khấu hao trong năm	7.130.467.126	4.489.643.709	11.620.110.835
Giảm do mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(1.835.102.568)	(15.682.141.754)	(17.517.244.322)
Số cuối năm	12.516.441.348	7.991.376.192	20.507.817.540
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	35.304.954.985	38.612.113.615	73.917.068.600
Tại ngày cuối năm	25.577.938.417	15.612.147.322	41.190.085.739

16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	391.972.446.378	17.796.688.382	30.000.000	409.799.134.760
Tăng do mua sắm	7.219.063.142	539.500.000	-	7.758.563.142
Giảm khác	-	(69.966.000)	-	(69.966.000)
Số cuối năm	399.191.509.520	18.266.222.382	30.000.000	417.487.731.902
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	4.477.790.494	14.864.031.633	30.000.000	19.371.822.127
Khấu hao trong năm	1.233.195.669	1.388.077.965	-	2.621.273.634
Giảm khác	-	(69.966.000)	-	(69.966.000)
Số cuối năm	5.710.986.163	16.182.143.598	30.000.000	21.923.129.761
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	387.494.655.884	2.932.656.749	-	390.427.312.633
Tại ngày cuối năm	393.480.523.357	2.084.078.784	-	395.564.602.141

Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 371 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 371,5 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

17. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	131.753.991.665	6.726.153.008	138.480.144.673
Tăng trong năm	697.542.468	-	697.542.468
Tăng từ hàng tồn kho	36.498.895.074	-	36.498.895.074
Thanh lý, nhượng bán	(20.248.419.723)	-	(20.248.419.723)
Phân loại lại sang hàng tồn kho	(2.035.500.000)	-	(2.035.500.000)
Giảm khác	(369.038.645)	-	(369.038.645)
Số cuối năm	146.297.470.839	6.726.153.008	153.023.623.847
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	8.795.985.448	230.186.634	9.026.172.082
Khấu hao trong năm	3.397.064.661	22.027.168	3.419.091.829
Thanh lý, nhượng bán	(598.618.549)	-	(598.618.549)
Phân loại lại sang hàng tồn kho	(94.990.000)	-	(94.990.000)
Số cuối năm	11.499.441.560	252.213.802	11.751.655.362
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	122.958.006.217	6.495.966.374	129.453.972.591
Tại ngày cuối năm	134.798.029.279	6.473.939.206	141.271.968.485

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

18. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án chung cư PetroVietnam Landmark (xem Thuyết minh số 12)	-	-	1.017.239.621.458	951.999.738.170
Dự án chung cư cao tầng Thăng Long, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (i)	-	-	327.125.287.643	327.125.287.643
Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1	27.859.273.633	14.016.684.459	27.859.273.633	14.016.684.459
Dự án nhà máy Xơ sợi Polyester	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	13.480.083.636	2.100.000.000	13.780.083.636	-
Các công trình, dự án khác	15.876.518.176	1.607.785.360	16.840.779.332	7.022.261.061
	82.975.200.657	26.886.776.699	1.428.604.370.914	1.309.326.278.213

- (i) Trong năm 2016, Petroland - Công ty con của Tổng Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Petroland tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (Thăng Long - Công ty con của Petroland). Theo đó, Petroland không hợp nhất báo cáo tài chính của Thăng Long và công trình này không còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (xem thêm Thuyết minh số 4).

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	1.280.411.282	3.689.257.335
- Xây dựng cơ bản	793.136.480.228	964.385.282.322
Trong đó:		
<i>Dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Cam Ranh</i>	<i>239.226.180.716</i>	<i>228.648.061.338</i>
<i>Dự án Xuân Phương (i)</i>	<i>171.546.391.924</i>	<i>171.415.443.004</i>
<i>Dự án Khu đô thị mới Vũng Tàu</i>	<i>156.235.275.606</i>	<i>156.197.977.424</i>
<i>Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)</i>	<i>103.079.136.232</i>	<i>102.408.772.595</i>
<i>Công trình - Đầu tư Bất động sản Khu du lịch Thanh Bình - P10 - TP Vũng Tàu</i>	<i>96.823.309.274</i>	<i>96.823.309.274</i>
<i>Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu</i>	-	<i>115.164.700.040</i>
<i>Khu nhà ở cán bộ nhân viên ngành Dầu khí</i>	-	<i>41.287.489.549</i>
<i>Các công trình, dự án khác</i>	<i>26.226.186.476</i>	<i>52.439.529.098</i>
	<u>794.416.891.510</u>	<u>968.074.539.657</u>

- (i) Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất lô CT5E tại Khu đô thị mới Xuân Phương để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

- (ii) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN ("Quyết định 7089/QĐ-DKVN"). Ngày 08 tháng 01 năm 2014, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 01/QĐ-BQL quyết định chấm dứt hoạt động Dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho Tổng Công ty thực hiện Dự án. Ngày 09 tháng 01 năm 2014, PVN đã ban hành Quyết định số 238/QĐ-DKVN về việc dừng thực hiện Quyết định số 7089/QĐ-DKVN, theo đó PVN chấp thuận nguyên tắc thanh toán cho Tổng Công ty các chi phí Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư vào dự án kể từ thời điểm PVN ký biên bản bàn giao đến thời điểm có quyết định dừng chuyển nhượng dự án. Đồng thời, ngày 20 tháng 01 năm 2014, PVN ban hành Công văn số 470/DKVN-TCKT gửi UBND tỉnh Tiền Giang đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang không thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014 và đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang xem xét thống nhất chủ trương để PVN nhận lại Dự án từ Tổng Công ty.

Ngày 27 tháng 02 năm 2014, UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Thông báo số 32/TB-UBND, thống nhất chủ trương cho lùi thời hạn có hiệu lực của Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014. Ngày 15 tháng 01 năm 2016, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 399/VPCP-KTN yêu cầu PVN khẩn trương thực hiện chuyển giao Dự án, giải quyết dứt điểm nghĩa vụ tài chính liên quan đến Tổng Công ty trước khi chuyển giao Dự án cho UBND tỉnh Tiền Giang. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 11704/BTC-TCDN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao Dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện Dự án. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các sự kiện trên.

19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cà Mau	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i)	Hà Nội	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	Quảng Ngãi	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% tại PVC-Đông Đô và PVC-Petroland nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016-2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (sẽ được thành lập trên cơ sở sắp xếp, thu gọn đầu mối tại 04 đơn vị thành viên nòng cốt: Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo Nghị quyết trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2017 - 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện Nghị quyết nêu trên.

20. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày cuối năm VND	Giá trị vốn góp tại ngày đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
2	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
3	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	54.395.000.000	55.000.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Thành phố Hồ Chí Minh	83.271.467.055	83.848.907.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Hải Phòng	77.400.000.000	63.900.000.000	42%	42%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sóng Đà (PVSD)	Hà Nội	30.000.000.000	30.000.000.000	27%	27%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) (*)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại
8	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	82.000.000.000	82.000.000.000	35%	43%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
12	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	72.400.000.000	73.500.000.000	48%	48%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
			809.806.467.055	798.588.907.055			

(*) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Petro-link tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 35% đồng thời Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	809.806.467.055	798.588.907.055
(Lỗ) lũy kể từ công ty liên kết	(693.885.648.454)	(667.788.889.679)
	115.920.818.601	130.800.017.376

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tổng tài sản	4.340.129.965.786	4.498.514.527.097
Tổng công nợ	5.311.820.971.545	5.360.235.783.883
Tài sản thuần	(971.691.005.759)	(861.721.256.786)
Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào công ty liên kết	115.920.818.601	130.800.017.376
	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu	943.210.418.465	992.175.636.265
(Lỗ) thuần	(140.654.749.099)	(254.297.037.260)
(Lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	(26.096.758.775)	(31.355.467.203)

21. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT	Đầu tư dài hạn khác	<u>Số cuối năm</u>	Tỷ lệ phần sở hữu	<u>Số đầu năm</u>	Tỷ lệ phần sở hữu
		VND	%	VND	%
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000	5%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	-	-	10.200.000.000	13%
6	Các khoản đầu tư dài hạn khác	20.013.000.000		20.819.420.238	
		220.077.968.199		231.084.388.437	

22. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>Lợi thế thương mại</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Số đầu năm	64.493.904.711
Số cuối năm	64.493.904.711
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số đầu năm	39.572.708.761
Phân bổ trong năm	6.140.005.093
Số cuối năm	45.712.713.854
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số cuối năm	18.781.190.857
Số đầu năm	24.921.195.950

23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Công nghiệp Daelim	1.338.738.026.388	1.338.738.026.388	1.926.217.551.948	1.926.217.551.948
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.062.581.917	177.062.581.917	180.568.707.108	180.568.707.108
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	462.201.428.023	462.201.428.023	-	-
Tập đoàn Sojitz	142.503.537.336	142.503.537.336	132.836.579.852	132.836.579.852
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (i)	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	112.715.721.655	112.715.721.655	68.835.238.630	68.835.238.630
Các đối tượng khác	1.211.052.920.770	1.211.052.920.770	1.452.350.842.891	1.452.350.842.891
	3.560.247.554.900	3.560.247.554.900	3.876.782.259.240	3.876.782.259.240

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan (xem tại Thuyết minh số 41)	530.830.239.335	568.426.675.890
---	------------------------	------------------------

- (i) Thể hiện số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP (trình bày tại Thuyết minh số 42).

24. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.619.940.706.320	3.108.420.429.237
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	410.874.564.689	63.245.144.302
Ban quản lý dự án công trình DK I	296.673.955.001	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	202.767.223.619	2.362.216.587.695
Các đối tượng khác	709.624.963.011	682.958.697.240
b) Dài hạn	25.746.739.422	-
Người mua trả tiền trước mua chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	25.746.739.422	-
	1.645.687.445.742	3.108.420.429.237

25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phát sinh trong năm			Số cuối năm VND
	Số đầu năm VND	Số phải thu/nộp VND	Số đã thu/nộp/ bù trừ VND	
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.815.399.376	1.852.392.185	-	33.667.791.561
Thuế thu nhập cá nhân	-	18.076.170		18.076.170
Các loại thuế khác	58.983.155	23.987.530	58.199.435	24.771.250
	31.874.382.531	1.894.455.885	58.199.435	33.710.638.981
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	36.092.128.982	269.094.233.262	266.665.532.794	38.520.829.450
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	441.830.364.941	441.830.364.941	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	87.631.560	87.631.560	-
Thuế nhập khẩu	-	83.320.741.797	83.320.741.797	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.983.284.694	24.100.361.736	35.582.739.408	9.500.907.022
Thuế thu nhập cá nhân	5.179.602.513	19.439.320.045	18.874.619.380	5.744.303.178
Tiền thuế đất	266.703.120	62.651.901.510	62.918.604.630	-
Thuế môn bài	114.251.072	81.755.522	81.755.522	114.251.072
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	241.873.969	18.009.093.371	18.219.646.405	31.320.935
Thuế khác	7.074.134.849	8.226.760.753	1.218.965.396	14.081.930.206
	69.951.979.199	926.842.164.497	928.800.601.833	67.993.541.863

26. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng ngắn hạn	758.829.785.584	855.518.702.140
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng ngắn hạn	528.323.128.640	627.790.990.456
Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn	209.767.516.896	215.417.290.381
Chi phí phải trả khác	20.739.140.048	12.310.421.303
b) Dài hạn		
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng dài hạn	143.012.483.345	144.545.262.234
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng dài hạn	83.515.483.345	74.031.620.500
Chi phí lãi vay phải trả dài hạn	59.497.000.000	70.513.641.734
	901.842.268.929	1.000.063.964.374

27. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn	854.957.677.396	681.548.864.536
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	137.942.779.491	237.855.091.994
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	95.877.090.099	86.167.577.950
Phải trả khách hàng mua căn hộ	80.564.917.526	44.996.237.712
Nhận đặt cọc ngắn hạn	74.861.169.699	67.889.013.952
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (ii)	64.948.464.837	64.948.464.837
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
Lãi vay phải trả	8.371.163.980	13.624.762.793
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	342.392.091.764	116.067.715.298
b) Dài hạn	26.698.001.467	88.091.240.776
Quỹ bảo trì các dự án chung cư	14.276.729.433	23.624.612.561
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	12.421.272.034	64.466.628.215
	881.655.678.863	769.640.105.312

- (i) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 9) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 29.
- (ii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (**)	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (**)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	848.456.513.182	848.456.513.182	1.770.986.653.308	1.908.947.583.590	710.495.582.900	710.495.582.900
- Vay tại Công ty Mẹ	62.690.493.515	62.690.493.515	48.117.616.323	49.234.367.523	61.573.742.315	61.573.742.315
- Vay tại các công ty con	785.766.019.667	785.766.019.667	1.722.869.036.985	1.859.713.216.067	648.921.840.585	648.921.840.585
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 29)	311.860.815.760	311.860.815.760	1.225.525.960.797	116.175.747.018	1.421.211.029.539	1.421.211.029.539
- Vay tại Công ty Mẹ	-	-	955.033.981.983	-	955.033.981.983	955.033.981.983
- Vay tại các công ty con	311.860.815.760	311.860.815.760	270.491.978.814	116.175.747.018	466.177.047.556	466.177.047.556
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 29)	15.062.971.958	15.062.971.958	13.865.533.382	16.719.648.776	12.208.856.564	12.208.856.564
- Nợ tại Công ty Mẹ	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700
- Nợ tại các công ty con	11.906.270.258	11.906.270.258	10.708.831.682	13.562.947.076	9.052.154.864	9.052.154.864
	1.175.380.300.900	1.175.380.300.900	3.010.378.147.487	2.041.842.979.384	2.143.915.469.003	2.143.915.469.003

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	229.224.850.675	203.099.471.504
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	119.539.630.318	119.539.630.318
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	102.257.618.556	126.095.059.785
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	87.503.772.381	151.435.609.962
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	42.551.568.796	42.551.568.796
Ngân hàng TMCP Quân đội	10.188.228.335	92.773.315.990
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	119.229.913.839	112.961.856.827
	710.495.582.900	848.456.513.182

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ đã quá hạn thanh toán với số tiền khoảng 299 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 299 tỷ VND). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản vay và nợ quá hạn trên vẫn có khả năng thanh toán trong tương lai.

29. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn (*)	1.799.601.643.513	1.799.601.643.513	257.573.865.159	238.175.747.018	1.818.999.761.654	1.818.999.761.654
- Vay tại Công ty Mẹ	955.033.981.983	955.033.981.983	-	-	955.033.981.983	955.033.981.983
- Vay tại các Công ty con	844.567.661.530	844.567.661.530	257.573.865.159	238.175.747.018	863.965.779.671	863.965.779.671
Nợ thuê tài chính dài hạn	39.699.363.472	39.699.363.472	5.226.134.718	16.719.648.776	28.205.849.414	28.205.849.414
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại Công ty mẹ	8.785.984.903	8.785.984.903	-	3.156.701.700	5.629.283.203	5.629.283.203
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại các Công ty con	30.913.378.569	30.913.378.569	5.226.134.718	13.562.947.076	22.576.566.211	22.576.566.211
	1.839.301.006.985	1.839.301.006.985	262.799.999.877	254.895.395.794	1.847.205.611.068	1.847.205.611.068
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	326.923.787.718				1.433.419.886.103	
Số phải trả sau 12 tháng	1.512.377.219.267				413.785.724.965	

(*) Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	955.033.981.983	955.033.981.983
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	253.994.176.370	245.055.736.027
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	340.811.274.021	399.611.274.021
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	191.901.937.874	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	45.820.000.000	45.820.000.000
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	31.438.391.406	54.080.651.482
	1.818.999.761.654	1.799.601.643.513

(i) Vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Khoản vay có tài sản đảm bảo	523.154.505.650	444.956.387.509
Khoản vay tín chấp	1.295.845.256.004	1.354.645.256.004
	1.818.999.761.654	1.799.601.643.513

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng bằng VND, theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Các khoản vay dài hạn được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi	863.965.779.671	844.567.661.530
Khoản vay áp dụng lãi suất cố định	955.033.981.983	955.033.981.983
	<u>1.818.999.761.654</u>	<u>1.799.601.643.513</u>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	1.421.211.029.539	311.860.815.760
Trong năm thứ hai	256.843.369.912	1.186.455.995.042
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	86.914.877.582	210.284.832.711
Sau năm năm	54.030.484.621	91.000.000.000
	<u>1.818.999.761.654</u>	<u>1.799.601.643.513</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.421.211.029.539	311.860.815.760
Số phải trả sau 12 tháng	<u>397.788.732.115</u>	<u>1.487.740.827.753</u>

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	12.208.856.564	15.062.971.958
Trong năm thứ hai	9.228.420.276	23.416.707.019
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	6.768.572.574	1.219.684.495
	<u>28.205.849.414</u>	<u>39.699.363.472</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	12.208.856.564	15.062.971.958
Số phải trả sau 12 tháng	<u>15.996.992.850</u>	<u>24.636.391.514</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

30. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(Lỗ) lũy kế	Cộng	
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000	76.921.472	3.063.276.244	(2.862.795.798)	151.410.813.830	2.162.412.232	(3.027.089.835.305)	1.126.760.792.675	
Tăng vốn trong năm	-	6.754.796.010	-	-	(25.487.110.833)	-	-	(18.732.312.823)	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	23.986.265.087	23.986.265.087	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	16.672.043.203	-	(25.177.551.879)	(8.505.508.676)	
Tặng/(Giảm) khác	-	-	-	(10.195)	(96.143.415)	-	272.916.242	176.762.632	
Số dư đầu năm nay	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.244	(2.862.805.993)	142.499.602.785	2.162.412.232	(3.028.008.205.855)	1.123.685.998.895	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	75.922.673.762	75.922.673.762	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	12.771.445.959	-	(19.279.565.679)	(6.508.119.720)	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	1.320.785.113	1.320.785.113	
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.244	(2.862.805.993)	155.271.048.744	2.162.412.232	(2.970.044.312.659)	1.194.421.338.050	

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 9 năm 2015, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47	2.178.733.330.000	54,47
Các cổ đông khác	1.821.266.670.000	45,53	1.821.266.670.000	45,53
	4.000.000.000.000	100	4.000.000.000.000	100

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận Xây lắp, Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng và Bộ phận dịch vụ và khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận Xây lắp : xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng : kinh doanh nhà và hạ tầng;
- Bộ phận dịch vụ và khác : cung cấp các dịch vụ liên quan tới xây lắp và bất động sản.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày cuối năm

	Xây lắp VND	Kinh doanh nhà và hạ tầng VND	Dịch vụ và khác VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	11.634.182.593.619	2.194.519.692.233	955.741.415.236	(1.124.843.469.048)	13.659.600.232.040
(Lỗ) từ công ty liên kết	(693.885.648.454)	-	-	-	(693.885.648.454)
Tổng tài sản hợp nhất					12.965.714.583.586
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	8.653.747.488.494	1.217.270.039.103	426.975.023.954	(320.698.201.930)	9.977.294.349.621
Tổng nợ phải trả hợp nhất					9.977.294.349.621

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày đầu năm

	Xây lắp VND	Kinh doanh nhà và hạ tầng VND	Dịch vụ và khác VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	12.900.433.211.704	2.743.528.686.448	572.344.412.962	(685.748.831.646)	15.530.557.479.468
(Lỗ) từ công ty liên kết	(667.788.889.679)	-	-	-	(667.788.889.679)
Tổng tài sản hợp nhất					14.862.768.589.789
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	10.168.666.923.604	1.392.707.636.552	361.447.613.530	74.484.920.068	11.997.307.093.754
Tổng nợ phải trả hợp nhất					11.997.307.093.754

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm nay

	Xây lắp VND	Kinh doanh nhà và hệ tầng VND	Dịch vụ và khác VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.753.693.330.033	155.360.855.943	154.526.136.248	(911.654.521.791)	9.151.925.800.433
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	9.376.927.137.675	142.443.598.157	137.606.810.560	(855.716.855.641)	8.801.260.690.751
Kết quả kinh doanh bộ phận	376.766.192.358	12.917.257.786	16.919.325.688	(55.937.666.150)	350.665.109.682
Chi phí không phân bổ					(232.750.788.449)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					117.914.321.233
Phần (lỗ) trong công ty liên kết					(26.096.758.775)
Lợi nhuận khác					7.163.318.703
Lãi từ hoạt động tài chính					14.719.464.671
Lợi nhuận trước thuế					113.700.345.832
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(21.978.146.502)
Lợi nhuận sau thuế					91.722.199.330

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm trước

	Xây lập VND	Kinh doanh nhà và hạ tầng VND	Dịch vụ và khác VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.211.100.073.227	548.697.344.980	365.962.717.147	(1.289.464.077.918)	11.836.296.057.436
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11.535.753.343.426	493.487.577.047	314.645.982.884	(1.255.701.143.288)	11.088.185.760.069
Kết quả kinh doanh bộ phận	675.346.729.801	55.209.767.933	51.316.734.263	(33.762.934.630)	748.110.297.367
Chi phí không phân bổ					(701.572.523.111)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					46.537.774.256
Phần (lỗ) trong công ty liên kết					(31.355.467.203)
Lợi nhuận khác					18.107.662.786
Lãi từ hoạt động tài chính					55.233.926.599
Lợi nhuận trước thuế					88.523.896.438
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(65.832.464.640)
Lợi nhuận sau thuế					22.691.431.798

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam. Hoạt động xây lắp được thực hiện trên cả 3 miền.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Miền Bắc	7.218.714.651.247	9.147.197.239.110
Miền Trung	80.144.934.341	135.532.859.249
Miền Nam	2.764.720.736.636	3.843.030.036.995
Loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất	(911.654.521.791)	(1.289.464.077.918)
	9.151.925.800.433	11.836.296.057.436

32. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
	tính		
Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	10.262.459	27.632.967
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	11.372.006.001	11.047.395.478

33. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Hoạt động xây lắp	8.879.400.119.087	10.947.610.807.878
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	184.952.855.943	552.014.836.201
Hoạt động dịch vụ	137.243.598.041	297.691.638.105
Hoạt động tư vấn xây dựng	3.085.987.420	8.592.823.774
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	4.026.780.630	18.260.324.438
Hoạt động khác	1.159.263.184	19.193.394.029
	9.209.868.604.305	11.843.363.824.425
Các khoản giảm trừ doanh thu	57.942.803.872	7.067.766.989
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.151.925.800.433	11.836.296.057.436

34. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Hoạt động xây lắp	8.533.126.722.965	10.301.181.236.939
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	142.443.598.157	493.487.577.047
Hoạt động dịch vụ	111.663.349.200	260.715.765.602
Hoạt động tư vấn xây dựng	2.647.109.984	8.730.890.147
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	8.043.124.864	20.347.435.539
Hoạt động khác	3.336.785.581	3.722.854.795
	8.801.260.690.751	11.088.185.760.069

35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi, ký quỹ ngân hàng	23.744.999.419	23.777.868.219
Cổ tức, lợi nhuận được chia	615.833.619	395.685.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	33.035.036.738	65.175.679.349
Lãi chuyển nhượng cổ phần (*)	50.862.981.700	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.459.461.917	871.904.518
	114.718.313.393	90.221.137.086

(*) Phản ánh tiền lãi chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland - công ty con của Tổng Công ty) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (Thăng Long - Công ty con của Petroland) cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh như trình bày tại Thuyết minh số 4.

36. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	147.193.219.648	136.740.804.866
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(51.599.558.167)	10.940.434.397
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	36.709.409.069	27.756.163.965
(Hoàn nhập) dự phòng nghĩa vụ bảo lãnh (*)	(99.912.312.503)	(175.100.109.426)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	64.422.751.058	31.151.363.174
Chi phí tài chính khác	3.185.339.617	3.498.553.511
	99.998.848.722	34.987.210.487

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 42, trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng và đánh giá 01 thư bảo lãnh đã có sự thay đổi nghĩa vụ bảo lãnh. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của thư bảo lãnh này với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND.

37. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nhân viên quản lý	235.607.409.947	226.637.233.979
Chi phí vật liệu quản lý	9.709.305.007	24.451.193.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.353.067.093	23.647.588.473
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(181.306.690.989)	276.060.642.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.660.833.560	59.226.570.250
Chi phí bằng tiền khác	81.343.426.554	67.815.804.155
	223.367.351.172	677.839.033.566

38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.196.739.785.520	9.926.603.742.199
Chi phí nhân công	757.616.295.159	991.524.077.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	117.852.301.777	116.383.131.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.040.880.230.156	1.144.959.707.623
Chi phí dự phòng	(185.136.471.430)	326.933.981.045
Chi phí thuê ngoài và chi phí bằng tiền khác	231.799.936.470	208.971.188.333
	8.159.752.077.652	12.715.375.828.660

39. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay		
- Hoạt động xây lắp	22.515.119.572	44.432.102.202
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	541.076.942	13.837.467.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo quyết toán thuế năm trước	1.044.165.222	431
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.100.361.736	58.269.570.143

40. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	75.922.673.762	23.986.265.087
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(3.452.377.655)	(4.303.159.602)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	72.470.296.107	19.683.105.485
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	399.997.029	399.997.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	181	49

41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.792.676.097.141	7.767.600.130.134
Mua hàng hóa, dịch vụ từ các công ty liên kết	284.429.329.247	25.722.086.422
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	6.757.245.558	7.322.505.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu		
Phải thu khách hàng là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	148.630.198.779	254.323.550.213
Phải thu khách hàng là các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	111.351.931.238	77.742.455.383
Phải thu khách hàng là các công ty liên kết	243.089.994.947	242.293.320.582
Ứng trước cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	112.621.000
Ứng trước cho các công ty liên kết	339.066.114.904	302.264.496.593
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.874.911.113	2.008.154.052
Phải thu khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	7.823.660.838	63.373.999.703
Phải thu khác các công ty liên kết	180.249.832.273	175.542.327.759
Phải thu về cho vay các công ty liên kết	402.536.498.658	402.536.498.658
Phải trả		
Phải trả người bán là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.062.581.917	180.568.707.108
Phải trả người bán là các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	118.052.965.618	192.929.678.370
Phải trả người bán là các công ty liên kết	235.714.691.800	194.928.290.412
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	202.884.478.804	2.362.216.587.695
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	29.891.422.713	823.557.239
Các công ty liên kết ứng trước	4.965.453.846	4.965.453.846
Phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	64.948.464.837	64.888.464.837
Phải trả khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	50.738.172.700	55.621.610.533
Phải trả khác các công ty liên kết	4.327.085.622	5.330.169.452
Các khoản vay		
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	15.200.454.922	13.988.099.590
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	191.901.937.874	97.500.000.000

42. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức tín dụng	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh	Dư nợ vay quá hạn	Dự phòng nghĩa vụ
			tại ngày 31/12/2016	tại ngày 31/12/2016	nợ phải trả tại ngày 31/12/2016
			VND	VND	VND
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
PVC-SG (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	-
			237.855.091.994	237.855.091.994	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng.

Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 10).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

(*) Nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi với các lý do cụ thể như sau:

- Ngày 18 tháng 8 năm 2016, PVC-SG gửi Công văn số 58/XLTKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với Oceanbank. Theo đó, ngày 10 tháng 8 năm 2016, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC-SG công văn số 784/2016/CV-CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC-SG.

Tại công văn này, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC-SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC-SG bán hàng/bán tài sản để tạo nguồn trả nợ cho Oceanbank và PVC-SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND) chậm nhất ngày 30 tháng 9 năm 2019. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá điều này đồng nghĩa với việc dư nợ gốc vay đã được cơ cấu lại và gia hạn trả nợ. Điều kiện để thực hiện phương án trả nợ là: (i) PVC-SG cung cấp đầy đủ các văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phê duyệt phương án tiếp tục triển khai Dự án Vị Thanh để trả nợ cho Oceanbank; (ii) đơn vị thi công và đơn vị bán hàng mở tài khoản thanh toán tại Oceanbank; (iii) toàn bộ doanh thu bán hàng, bán tài sản phải chuyển về tài khoản chuyên dụng mở tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn, PVC-SG đồng ý cho Oceanbank được quyền trích tiền từ tài khoản chuyên dụng để thu nợ; (iv) PVC-SG ký văn bản thỏa thuận về phương thức xử lý tài sản đảm bảo theo yêu cầu của Oceanbank. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVC-SG đã trả được 5,5 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc; đồng thời PVC-SG thực hiện rất tốt phương án mà Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Mặt khác, PVC-SG và Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đang hợp tác rất chặt chẽ với nhau để tạo dòng tiền trả nợ cho ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là thông tin mới và rất quan trọng, thể hiện sự cố gắng của các bên trong quá trình giải quyết khoản nợ vay này.

- PVC-SG cũng đã có tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là một phần tài sản hình thành trong tương lai tại Dự án Vị Thanh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0068/HĐTC/OCEANBANK03 ngày 30 tháng 8 năm 2012 ký giữa PVC-SG và Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn.

- Tổng Công ty đã nhận được Thư tư vấn số 549 lw.ndv/ntn/01-01 ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Công ty Tư vấn Luật Bizconsult với kết luận như sau: (i) nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty theo thư bảo lãnh và thư gia hạn bảo lãnh cho PVC-SG đã chấm dứt hiệu lực kể từ sau ngày 30 tháng 8 năm 2012; (ii) không có đủ cơ sở pháp lý để yêu cầu Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo văn bản yêu cầu ngày 24 tháng 5 năm 2012 của Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn và đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thư gia hạn bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thông tin này cùng với việc khoản vay của PVC-SG được gia hạn có thể khẳng định rằng Tổng Công ty chưa xuất hiện nghĩa vụ nợ ở thời điểm hiện tại.

- Việc trích lập một khoản dự phòng phát sinh từ một nghĩa vụ liên đới liên quan đến bảo lãnh vay vốn chưa có chuẩn mực kế toán quy định rõ ràng. Do đó, Tổng Công ty đang: (i) vận dụng nguyên tắc thận trọng trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung để thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản bảo lãnh, theo đó, nguyên tắc thận trọng đòi hỏi "*phải lập các khoản dự phòng nhưng không được lập quá lớn*" và (ii) áp dụng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính quy định "*nghiêm cấm doanh nghiệp lợi dụng việc trích lập dự phòng để tính thêm vào chi phí các khoản dự phòng không có đủ căn cứ nhằm làm giảm nghĩa vụ nộp ngân sách*". Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đã trích lập khoảng 137,9 tỷ VND/237,8 tỷ VND dư nợ bảo lãnh quá hạn (chiếm 57,98%), theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản dự phòng này là hợp lý và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Mặt khác, trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán, khoản dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG vay vốn tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã được Tổng Công ty hoàn nhập 100% giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (với số tiền khoảng 50 tỷ VND) và ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính hợp nhất này là ý kiến chấp nhận toàn phần được thể hiện cụ thể tại Báo cáo kiểm toán số 977/VN1A-HN-BC ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Trên các cơ sở các lý do và nội dung đã trình bày ở trên, Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá đồng ý việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính (trình bày tại Thuyết minh số 36).

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL.TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Công ty mẹ Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh trên sẽ không phát sinh do PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

43. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc "Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc", tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính mà Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 07 tháng 01 năm 2015, PVN đã có Công văn số 091/DKVN-HĐTV gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Ngày 16 tháng 12 năm 2015, Bộ Công thương đã có Báo cáo số 12839/BCT-TCNL báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thẩm định tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 của Dự án. Ngày 25 tháng 01 năm 2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Quyết định số 573/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng dự toán điều chỉnh lần 2 của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chưa phê duyệt Dự toán gói thầu EPC điều chỉnh và Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình đàm phán với chủ đầu tư để ký kết phụ lục hợp đồng EPC. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị hợp đồng EPC công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được điều chỉnh trong tương lai sẽ cao hơn giá trị hợp đồng Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ. Tổng Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản lãi/lỗ nào tại công trình này, doanh thu tại công trình này được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

b) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên, do đó, chưa có cơ sở để điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ các kết luận này của Thanh tra Chính phủ.

c) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016-2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (sẽ được thành lập trên cơ sở sắp xếp, thu gọn đầu mối tại 04 đơn vị thành viên nòng cốt: Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chúng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020.



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 4 năm 2017



Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



Bùi Tiến Thành
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION (PVC)



Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội
Tel: (84-4) 3768 9291 / 3 / 4 / 5 * Fax : (84-4) 3768 9290 / 3768 9867
Web: www.pvc.vn